

Số: *111* /NQ-HĐND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 13 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2020 và điều chỉnh bổ sung
kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
KHOÁ VI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 120/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 248/TTr-UBND ngày 02/12/2019 và Tờ trình số 255/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2020 và điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra số 211/BC-KTNS ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2020 và điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 với những nội dung chính sau:

1. Về kế hoạch đầu tư công năm 2020:

1.1. Tổng vốn đầu tư công của ngân sách tỉnh là 10.197,767 tỷ đồng, bao gồm các nguồn vốn như sau:

a) Vốn ngân sách tập trung: 5.121,610 tỷ đồng;

b) Nguồn thu tiền sử dụng đất: 342,5 tỷ đồng;

- c) Vốn Xổ số kiến thiết: 1.555,58 tỷ đồng;
- d) Nguồn thu tiền bán đấu giá nhà, đất: 2.000,0 tỷ đồng;
- đ) Nguồn huy động của doanh nghiệp hưởng lợi từ dự án do nhà nước đầu tư (đường Phước hòa-Cái Mép): 50,0 tỷ đồng;
- e) Nguồn tăng thu ngân sách năm 2019: 568,917 tỷ đồng;
- g) Vốn Trung ương bổ sung đầu tư theo mục tiêu: 559,16 tỷ đồng.

1.2. Phân bổ vốn đầu tư công năm 2020:

a) Vốn Trung ương bổ sung: 559,16 tỷ đồng, phân bổ cho các dự án thuộc nguồn vốn này theo Quyết định giao kế hoạch năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Vốn ngân sách tỉnh 9.638,607 tỷ đồng, phân bổ như sau:

- Bổ sung vốn cho ngân sách cấp huyện, thành phố 2.133,7 tỷ đồng, bao gồm:

+ Đầu tư các xã thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 600,0 tỷ đồng;

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng Chương trình 135 giai đoạn 2019-2020: 146,7 tỷ đồng;

+ Đầu tư theo Đề án phát triển kinh tế-xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn II (2016-2020): 39,0 tỷ đồng;

+ Đầu tư phát triển hoàn thiện hệ thống kênh mương trên địa bàn huyện Xuyên Mộc và Châu Đức: 78,0 tỷ đồng;

+ Bổ sung vốn đầu tư cho ngân sách huyện, thành phố, thị xã: 655,0 tỷ đồng;

+ Hỗ trợ đầu tư một số dự án cụ thể cho ngân sách huyện, thành phố, thị xã: 615,0 tỷ đồng.

- Đầu tư công trình quốc phòng (A1): 20,0 tỷ đồng.

- Phân bổ cho dự án Cầu Phước An từ nguồn thu bán đấu giá nhà đất để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng: 200,0 tỷ đồng.

- Bố trí cho các dự án tỉnh quyết định đầu tư: 7.284,907 tỷ đồng, trong đó:

+ Đầu tư cho các dự án trên địa bàn huyện Côn Đảo 500,0 tỷ đồng, bao gồm 7 dự án đã hoàn thành, 9 dự án chuyển tiếp, 9 dự án khởi công xây dựng mới, 1 dự án thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng và 13 dự án chuẩn bị đầu tư;

+ Các dự án tỉnh quyết định đầu tư còn lại 6.784,907 tỷ đồng, bao gồm 54 dự án đã hoàn thành, 124 dự án chuyển tiếp, 32 dự án khởi công xây dựng mới, 49 dự án thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng và 51 dự án chuẩn bị đầu tư.

(Chi tiết tại Phụ lục số 1, 1A, 1B, 1B1, 1B2, 1C1, 1C2, 1D, 1E, 1F, 1G, 1H đính kèm)

c) Bổ sung danh mục chuẩn bị đầu tư trong kế hoạch năm 2020: Bổ sung thêm 14 chương trình, dự án cho phép chuẩn bị đầu tư năm 2020.

(Chi tiết tại Phụ lục số 2 đính kèm)

2. Về điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công 2019 và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020:

2.1. Bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019:

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 từ nguồn tăng thu bán đấu giá trụ sở, các lô đất công năm 2019 là 400,0 tỷ đồng cho 11 dự án.

(Chi tiết tại Phụ lục số 3 đính kèm)

2.2 Bổ sung điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020:

Bổ sung điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 cho các dự án mở mới trong kế hoạch đầu tư công các năm 2018, 2019 đã được Hội đồng nhân dân quyết định và các dự án mở mới trong kế hoạch đầu tư công năm 2020.

(Chi tiết tại Phụ lục số 4 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Khóa VI, Kỳ họp thứ Mười Lăm thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 13 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- TTr.Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TTr.HĐND tỉnh; UBND tỉnh; UBND TQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể trong tỉnh;
- TTr.HĐND và UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Website HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo-Tin học tỉnh;
- Báo Bà Rịa-Vũng Tàu, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



Nguyễn Hồng Lĩnh



Phụ biểu số 1

TỔNG HỢP BỐ TRÍ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 111 /NQ-HĐND ngày 13 /12/2019 của HĐND tỉnh BR-VT)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Khoản mục	KH 2020			Ghi chú
		Tổng số	Cân đối NS Tỉnh	Trung ương bổ sung đầu tư theo mục tiêu	
A	<u>Tổng nguồn vốn</u>	<u>10.197.767</u>	<u>9.638.607</u>	<u>559.160</u>	
1	Vốn NS tập trung		5.121.610		
2	Thu tiền SD đất		342.500		
3	Vốn Xổ số kiến thiết		1.555.580		
4	Vốn TW bổ sung đầu tư theo mục tiêu			559.160	
5	Nguồn thu bán đấu giá nhà, đất		2.000.000		
6	Nguồn huy động của doanh nghiệp hưởng lợi từ DA do nhà nước đầu tư		50.000		Đường Phước Hòa-Cái Mép
7	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2019		568.917		
B	<u>Tổng hợp bố trí vốn</u>	<u>10.197.767</u>	<u>9.638.607</u>	<u>559.160</u>	
1	Đầu tư XDCB chương trình nông thôn mới (vốn Xổ số kiến thiết)		600.000		
2	Đề án Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh BR-VT giai đoạn II		39.000		
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng Chương trình 135 giai đoạn III		146.700		
4	Chương trình đầu tư phát triển hoàn thiện hệ thống kênh mương trên địa bàn huyện Xuyên Mộc và Châu Đức		78.000		
5	Bổ sung vốn đầu tư cho NS cấp huyện đầu tư các DA hạ tầng KT-XH		655.000		
6	Hỗ trợ ngân sách huyện đầu tư một số dự án cụ thể		615.000		
7	Đầu tư công trình quốc phòng (A1)		20.000		
8	BTGPMB cầu Phước An		200.000		
9	Bố trí vốn các dự án tỉnh quyết định đầu tư		7.284.907	559.160	
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Đầu tư cho Côn Đảo</i>		500.000		
	<i>Các dự án còn lại</i>	7.344.067	6.784.907	559.160	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 BỔ SUNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
(Kèm theo Nghị quyết số 111 /NQ-HĐND ngày 13 /12/2019 của HĐND tỉnh BR-VT)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Đơn vị	KH 2020	Chương trình nông thôn mới (nguồn vốn Xổ số kiến thiết)	Chương trình đầu tư cơ sở hạ tầng chương trình 135 giai đoạn 2019-2020	Đề án phát triển KT-XH cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn II	Chương trình đầu tư phát triển hoàn thiện hệ thống kênh mương trên địa bàn huyện Xuyên Mộc và	Đầu tư các dự án hạ tầng KT-XH	Trong đó	
								Số vốn	Các mục tiêu khác
	Tổng số	2.133.700	600.000	146.700	39.000	78.000	655.000	615.000	
1	TP Vũng tàu	120.000					120.000		
2	TP Bà Rịa	160.000					80.000	80.000	Hỗ trợ dự án Trụ sở UBND xã Long Phước và Chợ xã Long Phước, các tuyến đường và Hội trường Thành ủy BR; HTKT khu thương mại phường Kim Dinh;
3	Thị xã Phú Mỹ	235.500	21.500		9.000		80.000	125.000	Hỗ trợ Trường mầm non Châu Pha 2 theo VB số 236/TB-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh (10,0 tỷ); đường QHN9 khu quy hoạch 3A đô thị mới Phú Mỹ theo VB số 13109/UBND-VP ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh (18,0 tỷ đồng); Nạo vét chỉnh trang suối Thị Vải theo VB số 9379/UBND-VP ngày 16/9/2019 của UBND tỉnh (22,0 tỷ); Di dời các hộ dân tại 2,5ha khu phố Ngọc Hà theo VB số 373/UBND-VP ngày 9/7/2019 của UBND tỉnh (12,0 tỷ đồng). Các tuyến đường giao thông nội đồng phục vụ nông nghiệp theo VB số 11185/UBND-VP ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh (14,0 tỷ đồng). Đường D10 khu QH dân cư 3A phường Mỹ Xuân theo VB số 11225/UBND-VP ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh (20,0 tỷ đồng). Mở rộng trường tiểu học Nguyễn Công Trứ và trường tiểu học Châu Pha A theo VB số 11787/UBND-VP ngày 12/11/2019 của UBND tỉnh (14,0 tỷ đồng). Đường QHR đoạn đi qua khu dân cư XD đợt đầu đô thị mới Phú Mỹ theo VB số 990/UBND-VP ngày 30/1/2019 của UBND tỉnh (15,0 tỷ đồng)
4	Huyện Long Điền	126.000	19.000				80.000	27.000	Hỗ trợ dự án Sửa chữa nâng cấp Trường THCS Nguyễn Trãi và Trường tiểu học Trần Quốc Toàn theo VB số 3665/UBND-VP ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh (27,0 tỷ)

S T T	Đơn vị	KH 2020	Trong đó						Các mục tiêu khác	
			Chương trình nông thôn mới (nguồn vốn Xổ số kiến thiết)	Đầu tư cơ sở hạ tầng chương trình 135 giai đoạn 2019-2020	Đề án phát triển KT-XH cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn II	Chương trình đầu tư phát triển hoàn thiện hệ thống kênh mương trên địa bàn huyện Xuyên Mộc và	Đầu tư các dự án hạ tầng KT-XH	Số vốn	Mục tiêu	
5	Huyện Đất Đỏ	309.000	137.000				80.000	92.000	Hỗ trợ cải tạo nâng cấp các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Đất Đỏ theo văn bản số 11489/UBND-VP ngày 9/11/2018 của UBND tỉnh (15,0 tỷ); Trường THCS Châu Văn Biếc theo văn bản số 5383/UBND-VP ngày 6/6/2018 của UBND tỉnh (12,0 tỷ). Sửa chữa nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thị trấn Đất Đỏ và xã Long Tân theo VB số 11693/UBND-VP ngày 11/11/2019 của UBND tỉnh (25,0 tỷ). Sửa chữa nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn và xã Phước Long Thọ theo VB số 11788/UBND-VP ngày 12/11/2019 của UBND tỉnh (12,0 tỷ). Sửa chữa Trường THCS và trường tiểu học Lộc An theo văn bản số 11394/UBND-VP ngày 5/11/2019 của UBND tỉnh (5,0 tỷ). XD tuyến mương Bà Lá-Sông Đàng xã Phước Long Thọ theo VB số 12248/UBND-VP ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh (15,0 tỷ). XD trụ sở UBND xã Phước Hội theo VB số 12248/UBND-VP ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh (8,0 tỷ)	

S T T	Đơn vị	KH 2020	Trong đó					Các mục tiêu khác	
			Chương trình nông thôn mới (nguồn vốn Xổ số kiến thiết)	Đầu tư cơ sở hạ tầng chương trình 135 giai đoạn 2019-2020	Đề án phát triển KT-XH cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn II	Chương trình đầu tư phát triển hoàn thiện hệ thống kênh mương trên địa bàn huyện Xuyên Mộc và	Đầu tư các dự án hạ tầng KT-XH	Số vốn	Mục tiêu
6	Huyện Châu Đức	480.500	158.500	29.950	15.000	31.050	80.000	166.000	Hỗ trợ dự án Đường Trần Hưng Đạo nối dài thị trấn Ngãi Giao theo văn bản số 9698/UBND-VP ngày 8/11/2016 của UBND tỉnh (27,0 tỷ), Cầu Sông Cái và cầu Sông Cầu xã Nghĩa Thành theo văn bản số 10415/UBND-VP ngày 28/11/2016 của UBND tỉnh (2,0 tỷ). Trường mầm non Sơn Bình, trường THCS Quang Trung theo văn bản số 10035/UBND-VP ngày 18/10/2017 của UBND tỉnh (10 tỷ). Thao trường huấn luyện Bình Trung (1,0 tỷ), trụ sở BCHQS huyện Châu Đức theo văn bản số 85/TB-UBND ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh (1,0 tỷ); Sửa chữa nâng cấp các tuyến đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp theo văn bản số 11486/UBND-VP ngày 9/11/2018 của UBND tỉnh (30,0 tỷ). Trường THCS Lê Lợi xã Xuân Sơn và trường THCS Nguyễn Huệ xã Cù Bì theo văn bản số 8904/UBND-VP ngày 7/9/2018 của UBND tỉnh (4,0 tỷ); Đường vào TT y tế huyện Châu Đức theo VB số 11810 ngày 20/11/2018 của UBND tỉnh (12,0 tỷ). XD các tuyến giao thông nội đồng phục vụ SX nông nghiệp theo VB số 10136/UBND-VP ngày 3/10/2019 của UBND tỉnh (20,0 tỷ). Cải tạo, nạo vét suối Đá Bàn theo VB số 6632/UBND-VP ngày 9/7/2019 và số 8014/UBND-VP ngày 12/8/2019 của UBND tỉnh (5,0 tỷ). Đầu tư lưới điện nông thôn theo VB số 6384/UBND-VP ngày 1/7/2019 của tỉnh (13,0 tỷ). Sửa chữa nâng cấp 5 trường mầm non theo VB số 10139/UBND-VP ngày 3/10/2019 của tỉnh (13,0 tỷ). Hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn xã Sơn Bình theo VB số 10870/UBND-VP ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh (8,0 tỷ). Cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Lê Hồng Phong thị trấn Ngãi Giao theo văn bản số 11969 ngày 18/11/2019 của UBND tỉnh (15 tỷ). Mương thoát nước chống ngập úng khu vực dọc kênh chính hồ Sông Ray về hồ Đá Đen xã Suối Nghệ theo VB số 12403/UBND-VP ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh (5 tỷ).

S T T	Đơn vị	KH 2020	Trong đó						Các mục tiêu khác	
			Chương trình nông thôn mới (nguồn vốn Xổ số kiến thiết)	Đầu tư cơ sở hạ tầng chương trình 135 giai đoạn 2019-2020	Đề án phát triển KT-XH cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn II	Chương trình đầu tư phát triển hoàn thiện hệ thống kênh mương trên địa bàn huyện Xuyên Mộc và	Đầu tư các dự án hạ tầng KT-XH	Số vốn	Mục tiêu	
7	Huyện Xuyên Mộc	637.700	264.000	116.750	15.000	46.950	80.000	115.000	Hỗ trợ dự án Cải tạo sửa chữa trường THCS Bàu Lâm thành trường mầm non Bàu Lâm và dự án Cải tạo sửa chữa trường tiểu học Kim Đồng thành trường mầm non thay thế trường mầm non 19/5 xã Hoà Hội theo văn bản số 4871/UBND-VP ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh (17,0 tỷ); Cải tạo mở rộng Trường tiểu học Trần Đại Nghĩa theo văn bản số 5662/UBND-VP ngày 22/6/2017 của UBND tỉnh (8,0 tỷ); Chống ngập úng tại xã Phước Thuận theo văn bản số 9108/UBND-VP ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh (5,0 tỷ). Đường các xã Bông Trang, Bàu Lâm và Hòa Bình theo VB số 10946/UBND-VP ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh (5,0 tỷ). Cải tạo chỉnh trang các công trình ghi công liệt sỹ theo VB số 10632/UBND-VP ngày 15/10/2019 của UBND tỉnh (7,0 tỷ); Nâng cấp cải tạo 12 trụ sở ấp trên địa bàn xã Bình Châu (10,0 tỷ). Hỗ trợ sửa chữa cải tạo 4 trường học theo VB số 2995/UBND-VP ngày 1/4/2019 của UBND tỉnh (12,0 tỷ). Nâng cấp đường giao thông nông thôn 3 xã Hòa Hiệp, Hòa Hội và Xuyên Mộc theo VB số 12916/UBND-VP ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh (24,0 tỷ). Đầu tư lưới điện nông thôn theo VB số 7369/UBND-VP ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh (12,0 tỷ). Tuyển mương thoát nước chống ngập úng khu vực Hồ tràm xã Phước Thuận theo VB số 12577/UBND-VP ngày 04/12/2019 của UBND tỉnh (15,0 tỷ)	
8	Huyện Côn Đảo	65.000					55.000	10.000	Hỗ trợ đầu tư hệ thống điện mặt trời cho các trụ sở cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Côn Đảo theo VB số 11328/UBND-VP ngày 01/11/2019 của UBND tỉnh	

TỔNG HỢP CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020
DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 15/12/2019 của HĐND tỉnh BR-VT)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Tổng mức đầu tư
	TỔNG CỘNG		600.000
A	HUYỆN XUYỀN MỘC		264.000
I	Xã Hòa Hiệp		106.737
1	Đường Phú Lộc 5, Phú Lộc 10, xã Hòa Hiệp	1,5km	2.800
2	Đường Phú Thọ 1, Phú Thọ 3, xã Hòa Hiệp	2,2km	3.486
3	Đường Phú Thọ 4, Phú Thọ 6, xã Hòa Hiệp	1,5km	3.850
4	Đường Bàu Le (Phú Vinh - Phú Thiện), xã Hòa Hiệp	1,5km	3.850
5	Đường Phú Hòa 11, Phú Hòa 12, xã Hòa Hiệp	4,0km	6.200
6	Đường Phú Bình 15, xã Hòa Hiệp	1,5km	2.800
7	Đường Phú Quý 1 (từ Tư Thắng đến ông Vinh), xã Hòa Hiệp	2,3km	5.870
8	Đường Phú Quý 8 (từ nhà ông Vinh - Bàu Lâm), xã Hòa Hiệp	2,2km	5.610
9	Đường Phú Vinh - Phú Sơn, xã Hòa Hiệp	2,1km	5.355
10	Đường Phú Thiện 11, Phú Thiện 12, xã Hòa Hiệp	2,2km	5.610
11	Đường Phú Sơn, Phú Lâm, xã Hòa Hiệp	2,6km	4.030
12	Đường Phú Vinh 1, xã Hòa Hiệp	2,0km	5.100
13	Đường Phú Sơn 1, xã Hòa Hiệp	2,0km	5.100
14	Đường Phú Sơn 4, Phú Sơn 5, Phú Sơn 6, xã Hòa Hiệp	2,0km	5.100
15	Đường Phú Lâm 5, xã Hòa Hiệp	3,5km	5.425
16	Đường Phú Hòa 13, xã Hòa Hiệp	2,2km	3.465
17	Nâng cấp khu nhà TTVH xã Hòa Hiệp	1 khu	2.500
18	Làm mới hệ thống kênh nhánh từ N2-1 đến N2-6, xã Hòa Hiệp	2,6 km	3.256
19	Nâng cấp khu nhà UBND xã Hòa Hiệp	1 trụ sở	630
20	Trụ sở ấp Phú Sơn	1 trụ sở	300
21	Trụ sở ấp Phú Lâm	1 trụ sở	300
22	Trụ sở ấp Phú Vinh	1 trụ sở	300
23	Trụ sở ấp Phú Thiện	1 trụ sở	300
24	Trụ sở ấp Phú Tâm	1 trụ sở	300
25	Trụ sở ấp Phú Bình	1 trụ sở	300
26	Trụ sở ấp Phú Hòa	1 trụ sở	300
27	Trụ sở ấp Phú Thọ	1 trụ sở	300
28	Trụ sở ấp Phú Lộc	1 trụ sở	300

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Tổng mức đầu tư
29	Bổ sung Nâng cấp khu nhà UBND xã Hòa Hiệp	1 trụ sở	4.200
30	Bổ sung Trụ sở ấp Phú Sơn	1 trụ sở	2.200
31	Bổ sung Trụ sở ấp Phú Lâm	1 trụ sở	2.200
32	Bổ sung Trụ sở ấp Phú Vinh	1 trụ sở	2.200
33	Bổ sung Trụ sở ấp Phú Thiện	1 trụ sở	2.200
34	Bổ sung Trụ sở ấp Phú Tâm	1 trụ sở	2.200
35	Bổ sung Trụ sở ấp Phú Bình	1 trụ sở	2.200
36	Bổ sung Trụ sở ấp Phú Hòa	1 trụ sở	2.200
37	Bổ sung Trụ sở ấp Phú Thọ	1 trụ sở	2.200
38	Bổ sung Trụ sở ấp Phú Lộc	1 trụ sở	2.200
II	Xã Phước Tân		38.157
1	Nâng cấp bê tông đường GTNT ấp Thanh Sơn 2A	1,109 km	2.421
2	Nâng cấp bê tông đường GTNT ấp Thanh Sơn 2B	1,22 km	2.203
3	Nâng cấp đường bê tông ấp Bà Rịa	0,948 km	1.445
4	Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Rú	1,65 km	2.191
5	Nâng cấp đường giao thông nội đồng Tân Rú số 11-16	5,02 km	3.743
6	Xây dựng mương tưới giai đoạn 2 ấp Tân An - TS4- Việt Kiều (N3 - 1,2,3,4)	3,24 km	6.754
7	Nâng cấp hội trường TTVH	1 HT	5.000
8	Trụ sở ấp Tân An	1 trụ sở	800
9	Trụ sở ấp Bà Rịa	1 trụ sở	800
10	Trụ sở ấp Thanh Sơn 2B	1 trụ sở	800
11	Trụ sở ấp Việt Kiều	1 trụ sở	2.200
12	Trụ sở ấp Tân Trung	1 trụ sở	1.633
13	Trụ sở ấp Thanh Sơn 4	1 trụ sở	1.633
14	Trụ sở ấp Thanh Sơn 3	1 trụ sở	1.633
15	Bổ sung Trụ sở ấp Tân An	1 trụ sở	1.633
16	Bổ sung Trụ sở ấp Bà Rịa	1 trụ sở	1.633
17	Bổ sung Trụ sở ấp Thanh Sơn 2B	1 trụ sở	1.635
III	Xã Tân Lâm		11.106
1	Mương nội đồng tổ 7 ấp Bàu Chiên	916 m	2.954
2	Mương thoát nước số 2 ấp Suối Lê	437 m	2.421
3	Mương tổ 6 ấp Bàu Chiên	806 m	1.108
4	Mương thoát nước đường GTNT khu vực nhà ông Giang, ấp Bàu Chiên	1.427 m	1.820
5	Nạo vét mương KT8 - 8	830 m	559
6	Nạo vét mương KT1 - 1	1.263 m	416

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Tổng mức đầu tư
7	Đường giao thông thôn thôn ấp Bàu Chiên	962 m	1.828
IV	Xã Hòa Hưng		58.000
1	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới	Quy hoạch	185
2	Nâng cấp đường Liên xã Hòa Hưng - Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc	3.600 m	10.200
3	Nâng cấp đường GTNT ấp 2 - ấp 4B, ấp 3-4, ấp 4A-5, xã Hòa Hưng	1.750 m	4.970
4	Nâng cấp đường GTNT ấp 4B-5, 4B-9, 4B-16, 4B-17, 4B-21, 4B-24, xã	3.080 m	8.039
5	Đường giao thông ấp 1-1, ấp 4A-10, xã Hòa Hưng	1.780 m	2.590
6	Đường giao thông ấp 1-5-1, 1-5-2, 1-5-3, xã Hòa Hưng	1.970 m	4.127
7	Đường giao thông ấp 3-8, 3-13, ấp 1-3-1, xã Hòa Hưng	1.270 m	2.440
8	Nâng cấp đường ấp 4B-11, 4B-18, 4B-19, 4B-20, xã Hòa Hưng	1.500 m	3.825
9	Đầu tư xây dựng nhà VH sinh hoạt ấp	2 cái	6.629
10	Xây dựng phòng học tập cộng đồng, sửa chữa hội trường, nhà vệ sinh, xã	1 cái	14.995
V	Xã Bông Trang		50.000
1	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới	Quy hoạch	170
2	Nâng cấp đường tổ 1 ấp Trang Hùng, tổ 4 ấp Trang Nghiêm, tổ 5 ấp Trang Định, xã Bông Trang	2.200 m	5.661
3	Nâng cấp đường tổ 2, tổ 3, tổ 4 ấp Trang Hùng và đường vào khu 8,3ha, xã	1.255 m	2.949
4	Nâng cấp đường tổ 3, tổ 4, tổ 5 ấp Trang Định, xã Bông Trang	1.110 m	2.609
5	Nâng cấp đường tổ 2 ấp Trang Nghiêm, tổ 6, tổ 7 ấp Trang Hoàng, xã Bông	1.400 m	3.290
6	Tuyến mương tưới ấp Trang Nghiêm, xã Bông Trang	950 m	2.660
7	Tuyến mương tưới ấp Trang Định, xã Bông Trang	3.450 m	9.660
8	Tuyến mương tưới ấp Trang Hùng, xã Bông Trang	1.650 m	4.620
9	Tuyến mương tưới ấp Trang Trí, xã Bông Trang	1.000 m	2.800
10	Xây kè các mương thoát nước chống ngập úng khu dân cư tại ấp Trang Hoàng và Trang Nghiêm, xã Bông Trang	3.750 m	9.300
11	Mua sắm trang thiết bị đầu tư giai đoạn 2 Trung tâm Văn hóa HTCD	1	4.600
12	Nâng cấp, chỉnh sửa chợ Bông Trang	1	1.681
B	THỊ XÃ PHÚ MỸ		21.500
I	Xã Sông Xoài		7.550
1	Đường nội đồng tổ 3, tổ 4 ấp Cầu Ry	650 m	1.300
2	Đường nội đồng tổ 5 ấp Cầu Mới	1.220 m	2.750
3	Đường nội đồng tổ 5 - tổ 8 ấp Cầu Mới	1.630 m	3.500
II	Xã Châu Pha		13.950
1	Đường nội đồng tổ 1,2 Tân Lễ A - Tân Trung - Tân Phú	1.180,72 m	2.900
2	Đường nội đồng Tân Trung đi Suối Tre và tuyến nội bảo chiều ngoài đi N8	837,1 m	1.800
3	Kênh nội đồng N4-20 đi N4 - 22, Suối tre đi Châu Pha	1.036,30 m	3.700

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Tổng mức đầu tư
4	Đường Châu Pha 5 đi hồ Châu Pha, thôn Bàu Phượng - Tân Hà	1.250 m	3.200
5	Đường Châu Pha 15 đi Châu Pha 16, thôn Tân Ninh - Tân Long	1.030 m	2.350
C	HUYỆN CHÂU ĐỨC		158.500
1	Đường tổ 8 ấp Gia Hòa Yên (đoạn giáp ranh Bình Trung)	1.200 m	3.000
2	Đường dân cư Kim Bình xã Bình Giã	1.200 m	4.000
3	Đường nội đồng ấp Lộc Hòa xã Bình Giã	3.300 m	5.900
4	Đường nội đồng đôi Gia Hòa xã Bình Giã	2.300 m	4.500
5	Đường nội đồng Nghi Lộc xã Bình Giã	2.450 m	5.000
6	Đường hàng 4 đoạn Lộc Hòa - Đông Linh và đường hàng 7 Nghi Lộc xã Bình Giã	2.150 m	5.800
7	Đường hàng 8, 9 ấp Nghi Lộc; hàng 7, 8 ấp Đông Linh; đường nhà thờ Vinh Châu xã Bình Giã	2.100 m	6.000
8	Đường Xà La - Nhân Hòa, thôn 3 - 4 xã Bình Trung	2.050 m	6.200
9	Đường tổ 14 - 15, thôn 2-3 xã Bình Trung	2.200 m	6.500
10	Đường thôn 1- thôn 2 - thôn 3 xã Bình Trung	2.050 m	6.000
11	Đường nội đồng thôn 2 xã Bình Trung	4.100 m	8.500
12	Đường nội đồng thôn 4 xã Bình Trung	3.100 m	6.500
13	Đường nội đồng thôn 3 xã Bình Trung	3.800 m	6.600
14	Đường thôn 5, giáp ranh Bình Giã xã Bình Trung	2.050 m	5.500
15	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã xã Bình Trung		5.000
16	Nâng cấp đường số 27 thôn Vinh Sơn xã Nghĩa Thành	1,25	4.800
17	Nâng cấp đường số 2, số 4, số 8 thôn Vinh Sơn xã Nghĩa Thành	2.150 m	7.400
18	Nâng cấp đường tổ 53, tổ 55-56 thôn Quảng Tây xã Nghĩa Thành	900 m	2.600
19	Nâng cấp hệ thống lưới điện xã Nghĩa Thành	42.826m	12.000
20	Đường Vĩnh Bình - Lộc Hòa xã Bình Giã	2.600 m	7.100
21	Đường nội đồng Vĩnh An, Vĩnh Bình xã Bình Giã	3.200 m	6.000
22	Đường nội đồng Gia Hòa - Vĩnh Bình xã Bình Giã	2.900 m	4.500
23	Cải tạo, nâng cấp trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Bình Giã		6.000
24	Nâng cấp trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Bình Trung		6.000
25	Cải tạo, nâng cấp chợ xã Láng Lớn		2.000
26	Nâng cấp đường Vĩnh Bình - Giáo xứ Vinh Châu xã Bình Trung		8.000
27	Nâng cấp Đường tổ 7 ấp Gia Hòa Yên, xã Bình Giã		7.100
D	HUYỆN LONG DIỄN		19.000
1	Xây dựng Hồ bơi trong Khu Văn hóa - Thể thao Bàu Thành	Hồ	19.000
E	HUYỆN ĐẤT ĐỎ		137.000
1	Láng nhựa tuyến đường từ Tỉnh lộ 52 đi Suối Ngang, khu phố Thanh Long, thị trấn Đất Đỏ	2.100 m	3.571
2	Nâng cấp tuyến đường từ Đền Liệt sỹ - Tỉnh lộ 44B (trụ sở ấp Mỹ An), xã Long Mỹ	1.880 m	4.937

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Tổng mức đầu tư
3	Nâng cấp tuyến đường từ Tỉnh lộ 44B - Hồ Bút Thiên, xã Long Mỹ	1.500 m	2.910
4	Nâng cấp đường Gò Bà Canh, xã Long Tân	1.800 m	4.168
5	Nâng cấp tuyến đường tổ 4 ấp Láng Dài, xã Láng Dài	2.050 m	4.362
6	Nâng cấp lán nhựa tuyến đường từ nhà thuốc nam đến giáp đường Láng Đẽ - Ba Cùm, xã Láng Dài	1.200 m	4.146
7	Nâng cấp tuyến đường từ trạm y tế cũ đến cầu ông Hem, xã Lộc An	740 m	25.747
8	Nâng cấp đường từ công di tích lịch sử Minh Đạm đến Trảng Tranh, thị trấn Phước Hải	1.900 m	8.042
9	Đường Phạm Ngọc Thạch (từ đường D3 đến giáp đường Trần Phú), thị trấn Phước Hải	380 m	6.115
10	Đường Trần Bình Trọng (từ đường D3 đến giáp đường Trần Phú), thị trấn Phước Hải	380 m	5.953
11	Đường Lâm Văn Võ (từ đường D3 đến giáp đường Trần Phú), thị trấn Phước Hải	380 m	6.033
12	Đường từ ngã ba Phước Hội đến Mù U, xã Phước Hội	6.100 m	42.000
13	Nâng cấp, mở rộng đường vào cảng cá Lộc An	1.400 m	8.000
14	Bê tông hóa tuyến đường từ ruộng ông Nguyễn Văn Sáu đến ruộng ông Nguyễn Văn Phước, xã Phước Hội	1.100 m	4.095
15	Bê tông hóa tuyến đường khu vực ông Cục, xã Phước Hội	900 m	1.335
16	Bê tông tuyến đường từ ruộng ông Phạm Văn Triệu đến sông Đăng, xã Láng Dài	1.600 m	3.116
17	Bê tông tuyến đường từ Quốc lộ 55 đến ruộng ông Nguyễn Hữu Phú, xã Láng Dài	1.100 m	2.470



KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HOÀN THIỆN TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI
LONG ĐIỀN VÀ ĐẤT ĐỎ NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 111 /NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh BR-VT)

Đơn vị: triệu đồng

Stt	DANH MỤC, DỰ ÁN	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư
	TỔNG CỘNG		156.000
I	HUYỆN LONG ĐIỀN		19.000
1	Xây dựng Hồ bơi trong Khu Văn hóa - Thể thao Bàu Thành	Hồ	19.000
II	HUYỆN ĐẤT ĐỎ		137.000
1	Láng nhựa tuyến đường từ Tỉnh lộ 52 đi Suối Ngang, khu phố Thanh Long, thị trấn Đất Đỏ	2.100 m	3.571
2	Nâng cấp tuyến đường từ Đền Liệt sỹ - Tỉnh lộ 44B (trụ sở ấp Mỹ An), xã Long Mỹ	1.880 m	4.937
3	Nâng cấp tuyến đường từ Tỉnh lộ 44B - Hồ Bút Thiên, xã Long Mỹ	1.500 m	2.910
4	Nâng cấp đường Gò Bà Canh, xã Long Tân	1.800 m	4.168
5	Nâng cấp tuyến đường tổ 4 ấp Láng Dài, xã Láng Dài	2.050 m	4.362
6	Nâng cấp láng nhựa tuyến đường từ nhà thuốc nam đến giáp đường Láng Đẽ - Ba Cùm, xã Láng Dài	1.200 m	4.146
7	Nâng cấp tuyến đường từ trạm y tế cũ đến cầu ông Hem, xã Lộc An	740 m	25.747
8	Nâng cấp đường từ công di tích lịch sử Minh Đạm đến Trảng Tranh, thị trấn Phước Hải	1.900 m	8.042
9	Đường Phạm Ngọc Thạch (từ đường D3 đến giáp đường Trần Phú), thị trấn Phước Hải	380 m	6.115
10	Đường Trần Bình Trọng (từ đường D3 đến giáp đường Trần Phú), thị trấn Phước Hải	380 m	5.953
11	Đường Lâm Văn Võ (từ đường D3 đến giáp đường Trần Phú), thị trấn Phước Hải	380 m	6.033
12	Đường từ ngã ba Phước Hội đến Mù U, xã Phước Hội	6.100 m	42.000
13	Nâng cấp, mở rộng đường vào cảng cá Lộc An	1.400 m	8.000
14	Bê tông hóa tuyến mương từ ruộng ông Nguyễn Văn Sáu đến ruộng ông Nguyễn Văn Phước, xã Phước Hội	1.100 m	4.095
15	Bê tông hóa tuyến mương khu vực ông Cúc, xã Phước Hội	900 m	1.335
16	Bê tông tuyến mương từ ruộng ông Phạm Văn Triệu đến sông Đăng, xã Láng Dài	1.600 m	3.116
17	Bê tông tuyến mương từ Quốc lộ 55 đến ruộng ông Nguyễn Hữu Phú, xã Láng Dài	1.100 m	2.470



KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020
DANH MỤC DỰ ÁN CÁC XÃ PHÂN ĐẦU ĐẠT NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019 - 2020
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh BR-VT)

Đơn vị: triệu đồng

TT	DANH MỤC, DỰ ÁN	Quy mô	Tổng mức đầu tư
	TỔNG CỘNG		444.000
A	HUYỆN XUYỀN MỘC		264.000
I	Xã Hòa Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 theo Nghị quyết 02/NQ-HĐND		106.737
1	Đường Phú Lộc 5, Phú Lộc 10, xã Hòa Hiệp	1,5km	2.800
2	Đường Phú Thọ 1, Phú Thọ 3, xã Hòa Hiệp	2,2km	3.486
3	Đường Phú Thọ 4, Phú Thọ 6, xã Hòa Hiệp	1,5km	3.850
4	Đường Bàu Le (Phú Vinh - Phú Thiện), xã Hòa Hiệp	1,5km	3.850
5	Đường Phú Hòa 11, Phú Hòa 12, xã Hòa Hiệp	4,0km	6.200
6	Đường Phú Bình 15, xã Hòa Hiệp	1,5km	2.800
7	Đường Phú Quý 1 (từ Tư Thắng đến ông Vinh), xã Hòa Hiệp	2,3km	5.870
8	Đường Phú Quý 8 (từ nhà ông Vinh - Bàu Lâm), xã Hòa Hiệp	2,2km	5.610
9	Đường Phú Vinh - Phú Sơn, xã Hòa Hiệp	2,1km	5.355
10	Đường Phú Thiện 11, Phú Thiện 12, xã Hòa Hiệp	2,2km	5.610
11	Đường Phú Sơn, Phú Lâm, xã Hòa Hiệp	2,6km	4.030
12	Đường Phú Vinh 1, xã Hòa Hiệp	2,0km	5.100
13	Đường Phú Sơn 1, xã Hòa Hiệp	2,0km	5.100
14	Đường Phú Sơn 4, Phú Sơn 5, Phú Sơn 6, xã Hòa Hiệp	2,0km	5.100
15	Đường Phú Lâm 5, xã Hòa Hiệp	3,5km	5.425
16	Đường Phú Hòa 13, xã Hòa Hiệp	2,2km	3.465
17	Nâng cấp khu nhà TTVH xã Hòa Hiệp	1 khu	2.500
18	Làm mới hệ thống kênh nhánh từ N2-1 đến N2-6, xã Hòa Hiệp	2,6 km	3.256
19	Nâng cấp khu nhà UBND xã Hòa Hiệp	1 trụ sở	630
20	Trụ sở ấp Phú Sơn	1 trụ sở	300
21	Trụ sở ấp Phú Lâm	1 trụ sở	300
22	Trụ sở ấp Phú Vinh	1 trụ sở	300
23	Trụ sở ấp Phú Thiện	1 trụ sở	300
24	Trụ sở ấp Phú Tâm	1 trụ sở	300
25	Trụ sở ấp Phú Bình	1 trụ sở	300
26	Trụ sở ấp Phú Hòa	1 trụ sở	300
27	Trụ sở ấp Phú Thọ	1 trụ sở	300
28	Trụ sở ấp Phú Lộc	1 trụ sở	300
29	Nâng cấp khu nhà UBND xã Hòa Hiệp	1 trụ sở	4.200
30	Trụ sở ấp Phú Sơn	1 trụ sở	2.200
31	Trụ sở ấp Phú Lâm	1 trụ sở	2.200
32	Trụ sở ấp Phú Vinh	1 trụ sở	2.200
33	Trụ sở ấp Phú Thiện	1 trụ sở	2.200
34	Trụ sở ấp Phú Tâm	1 trụ sở	2.200

TT	DANH MỤC, DỰ ÁN	Quy mô	Tổng mức đầu tư
35	Trụ sở ấp Phú Bình	1 trụ sở	2.200
36	Trụ sở ấp Phú Hòa	1 trụ sở	2.200
37	Trụ sở ấp Phú Thọ	1 trụ sở	2.200
38	Trụ sở ấp Phú Lộc	1 trụ sở	2.200
II	Xã Phước Tân đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 theo Nghị quyết 02/NQ-HĐND		38.157
1	Nâng cấp bê tông đường GTNT ấp Thạnh Sơn 2A	1,109 km	2.421
2	Nâng cấp bê tông đường GTNT ấp Thạnh Sơn 2B	1,22 km	2.203
3	Nâng cấp đường bê tông ấp Bà Rịa	0,948 km	1.445
4	Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Rú	1,65 km	2.191
5	Nâng cấp đường giao thông nội đồng Tân Rú số 11-16	5,02 km	3.743
6	Xây dựng mương tưới giai đoạn 2 ấp Tân An - TS4- Việt Kiều (N3 -1,2,3,4)	3,24 km	6.754
7	Nâng cấp hội trường TTVH	1 HT	5.000
8	Trụ sở ấp Tân An	1 trụ sở	800
9	Trụ sở ấp Bà Rịa	1 trụ sở	800
10	Trụ sở ấp Thạnh Sơn 2B	1 trụ sở	800
11	Trụ sở ấp Việt Kiều	1 trụ sở	2.200
12	Trụ sở ấp Tân Trung	1 trụ sở	1.633
13	Trụ sở ấp Thạnh Sơn 4	1 trụ sở	1.633
14	Trụ sở ấp Thạnh Sơn 3	1 trụ sở	1.633
15	Trụ sở ấp Tân An	1 trụ sở	1.633
16	Trụ sở ấp Bà Rịa	1 trụ sở	1.633
17	Trụ sở ấp Thạnh Sơn 2B	1 trụ sở	1.635
III	Xã Tân Lâm đạt trên 8 tiêu chí theo Nghị quyết 02/NQ-HĐND		11.106
1	Mương nội đồng tổ 7 ấp Bàu Chiên	916 m	2.954
2	Mương thoát nước số 2 ấp Suối Lê	437 m	2.421
3	Mương tổ 6 ấp Bàu Chiên	806 m	1.108
4	Mương thoát nước đường GTNT khu vực nhà ông Giang, ấp Bàu Chiên	1.427 m	1.820
5	Nạo vét mương KT8 - 8	830 m	559
6	Nạo vét mương KT1 - 1	1.263 m	416
7	Đường giao thông thôn ấp Bàu Chiên	962 m	1.828
III	Xã Hòa Hưng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 theo Nghị quyết 57/NQ-HĐND		58.000
1	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới	Quy hoạch	185
2	Nâng cấp đường Liên xã Hòa Hưng - Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc	3.600 m	10.200
3	Nâng cấp đường GTNT ấp 2 - ấp 4B, ấp 3-4, ấp 4A-5, xã Hòa Hưng	1.750 m	4.970
4	Nâng cấp đường GTNT ấp 4B-5, 4B-9, 4B-16, 4B-17, 4B-21, 4B-24, xã Hòa Hưng	3.080 m	8.039
5	Đường giao thông ấp 1-1, ấp 4A-10, xã Hòa Hưng	1.780 m	2.590
6	Đường giao thông ấp 1-5-1, 1-5-2, 1-5-3, xã Hòa Hưng	1.970 m	4.127
7	Đường giao thông ấp 3-8, 3-13, ấp 1-3-1, xã Hòa Hưng	1.270 m	2.440
8	Nâng cấp đường ấp 4B-11, 4B-18, 4B-19, 4B-20, xã Hòa Hưng	1.500 m	3.825
9	Đầu tư xây dựng nhà VH sinh hoạt ấp	2 cái	6.629
10	Xây dựng phòng học tập cộng đồng, sửa chữa hội trường, nhà vệ sinh, xã Hòa Hưng	1 cái	14.995
IV	Xã Bông Trang đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 theo Nghị quyết 57/NQ-HĐND		50.000
1	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới	Quy hoạch	170

TT	DANH MỤC, DỰ ÁN	Quy mô	Tổng mức đầu tư
2	Nâng cấp đường tổ 1 ấp Trang Hùng, tổ 4 ấp Trang Nghiêm, tổ 5 ấp Trang Định, xã Bông Trang	2.200 m	5.661
3	Nâng cấp đường tổ 2, tổ 3, tổ 4 ấp Trang Hùng và đường vào khu 8,3ha, xã Bông Trang	1.255 m	2.949
4	Nâng cấp đường tổ 3, tổ 4, tổ 5 ấp Trang Định, xã Bông Trang	1.110 m	2.609
5	Nâng cấp đường tổ 2 ấp Trang Nghiêm, tổ 6, tổ 7 ấp Trang Hoàng, xã Bông Trang	1.400 m	3.290
6	Tuyến mương tưới ấp Trang Nghiêm, xã Bông Trang	950 m	2.660
7	Tuyến mương tưới ấp Trang Định, xã Bông Trang	3.450 m	9.660
8	Tuyến mương tưới ấp Trang Hùng, xã Bông Trang	1.650 m	4.620
9	Tuyến mương tưới ấp Trang Trí, xã Bông Trang	1.000 m	2.800
10	Xây kè các mương thoát nước chống ngập úng khu dân cư tại ấp Trang Hoàng và Trang Nghiêm, xã Bông Trang	3.750 m	9.300
11	Mua sắm trang thiết bị đầu tư giai đoạn 2 Trung tâm Văn hóa HTCD	1	4.600
12	Nâng cấp, chỉnh sửa chợ Bông Trang	1	1.681
B	THỊ XÃ PHÚ MỸ		21.500
I	Xã Sông Xoài phần đầu đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2020		7.550
1	Đường nội đồng tổ 3, tổ 4 ấp Cầu Ry	650 m	1.300
2	Đường nội đồng tổ 5 ấp Cầu Mới	1.220 m	2.750
3	Đường nội đồng tổ 5 - tổ 8 ấp Cầu Mới	1.630 m	3.500
II	Xã Châu Pha phần đầu đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2020		13.950
1	Đường nội đồng tổ 1,2 Tân Lễ A - Tân Trung - Tân Phú	1.180,72 m	2.900
2	Đường nội đồng Tân Trung đi Suối Tre và tuyến nội bảo chiều ngoài đi N8	837,1 m	1.800
3	Kênh nội đồng N4-20 đi N4 - 22, Suối tre đi Châu Pha	1.036,30 m	3.700
4	Đường Châu Pha 5 đi hồ Châu Pha, thôn Bàu Phụng - Tân Hà	1.250 m	3.200
5	Đường Châu Pha 15 đi Châu Pha 16, thôn Tân Ninh - Tân Long	1.030 m	2.350
C	HUYỆN CHÂU ĐỨC (xã Bình Giã, Bình Trung, Nghĩa Thành đạt chuẩn NTM năm 2020 theo Nghị quyết 02/NQ-HĐND)		158.500
1	Đường tổ 8 ấp Gia Hòa Yên (đoạn giáp ranh Bình Trung)	1.200 m	3.000
2	Đường dân cư Kim Bình xã Bình Giã	1.200 m	4.000
3	Đường nội đồng ấp Lộc Hòa xã Bình Giã	3.300 m	5.900
4	Đường nội đồng đôi Gia Hòa xã Bình Giã	2.300 m	4.500
5	Đường nội đồng Nghi Lộc xã Bình Giã	2.450 m	5.000
6	Đường hàng 4 đoạn Lộc Hòa - Đông Linh và đường hàng 7 Nghi Lộc xã Bình Giã	2.150 m	5.800
7	Đường hàng 8, 9 ấp Nghi Lộc; hàng 7, 8 ấp Đông Linh; đường nhà thờ Vinh Châu xã Bình	2.100 m	6.000
8	Đường Xà La - Nhân Hòa, thôn 3 - 4 xã Bình Trung	2.050 m	6.200
9	Đường tổ 14 - 15, thôn 2-3 xã Bình Trung	2.200 m	6.500
10	Đường thôn 1- thôn 2 - thôn 3 xã Bình Trung	2.050 m	6.000
11	Đường nội đồng thôn 2 xã Bình Trung	4.100 m	8.500
12	Đường nội đồng thôn 4 xã Bình Trung	3.100 m	6.500
13	Đường nội đồng thôn 3 xã Bình Trung	3.800 m	6.600
14	Đường thôn 5, giáp ranh Bình Giã xã Bình Trung	2.050 m	5.500
15	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã xã Bình Trung		5.000
16	Nâng cấp đường số 27 thôn Vinh Sơn xã Nghĩa Thành	1,25	4.800
17	Nâng cấp đường số 2, số 4, số 8 thôn Vinh Sơn xã Nghĩa Thành	2.150 m	7.400

TT	DANH MỤC, DỰ ÁN	Quy mô	Tổng mức đầu tư
18	Nâng cấp đường tổ 53, tổ 55-56 thôn Quảng Tây xã Nghĩa Thành	900 m	2.600
19	Nâng cấp hệ thống lưới điện xã Nghĩa Thành	42.826m	12.000
20	Đường Vĩnh Bình - Lộc Hòa xã Bình Giả	2.600 m	7.100
21	Đường nội đồng Vĩnh An, Vĩnh Bình xã Bình Giả	3.200 m	6.000
22	Đường nội đồng Gia Hòa - Vĩnh Bình xã Bình Giả	2.900 m	4.500
23	Cải tạo, nâng cấp trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Bình Giả		6.000
24	Nâng cấp trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Bình Trung		6.000
25	Cải tạo, nâng cấp chợ xã Láng Lớn		2.000
26	Nâng cấp đường Vĩnh Bình - Giáo xứ Vinh Châu xã Bình Trung		8.000
27	Nâng cấp Đường tổ 7 ấp Gia Hòa Yên, xã Bình Giả		7.100

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020
DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THEO NGHỊ
QUYẾT 02/NQ-HĐND NGÀY 29/3/2019 CỦA HĐND TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 15/12/2019 của HĐND tỉnh BR-VT)

Đơn vị: triệu đồng

TT	DANH MỤC, DỰ ÁN	Quy mô	Tổng mức đầu tư
	TỔNG CỘNG		300.000
A	HUYỆN XUYỀN MỘC		120.000
I	Xã Hòa Hiệp		82.737
1	Đường Phú Lộc 5, Phú Lộc 10, xã Hòa Hiệp	1,5km	2.800
2	Đường Phú Thọ 1, Phú Thọ 3, xã Hòa Hiệp	2,2km	3.486
3	Đường Phú Thọ 4, Phú Thọ 6, xã Hòa Hiệp	1,5km	3.850
4	Đường Bàu Le (Phú Vinh - Phú Thiện), xã Hòa Hiệp	1,5km	3.850
5	Đường Phú Hòa 11, Phú Hòa 12, xã Hòa Hiệp	4,0km	6.200
6	Đường Phú Bình 15, xã Hòa Hiệp	1,5km	2.800
7	Đường Phú Quý 1 (từ Tư Thắng đến ông Vinh), xã Hòa Hiệp	2,3km	5.870
8	Đường Phú Quý 8 (từ nhà ông Vinh - Bàu Lâm), xã Hòa Hiệp	2,2km	5.610
9	Đường Phú Vinh - Phú Sơn, xã Hòa Hiệp	2,1km	5.355
10	Đường Phú Thiện 11, Phú Thiện 12, xã Hòa Hiệp	2,2km	5.610
11	Đường Phú Sơn, Phú Lâm, xã Hòa Hiệp	2,6km	4.030
12	Đường Phú Vinh 1, xã Hòa Hiệp	2,0km	5.100
13	Đường Phú Sơn 1, xã Hòa Hiệp	2,0km	5.100
14	Đường Phú Sơn 4, Phú Sơn 5, Phú Sơn 6, xã Hòa Hiệp	2,0km	5.100
15	Đường Phú Lâm 5, xã Hòa Hiệp	3,5km	5.425
16	Đường Phú Hòa 13, xã Hòa Hiệp	2,2km	3.465
17	Nâng cấp khu nhà TTVH xã Hòa Hiệp	1 khu	2.500
18	Làm mới hệ thống kênh nhánh từ N2-1 đến N2-6, xã Hòa Hiệp	2,6 km	3.256
19	Nâng cấp khu nhà UBND xã Hòa Hiệp	1 trụ sở	630
20	Trụ sở ấp Phú Sơn	1 trụ sở	300
21	Trụ sở ấp Phú Lâm	1 trụ sở	300
22	Trụ sở ấp Phú Vinh	1 trụ sở	300
23	Trụ sở ấp Phú Thiện	1 trụ sở	300
24	Trụ sở ấp Phú Tâm	1 trụ sở	300
25	Trụ sở ấp Phú Bình	1 trụ sở	300
26	Trụ sở ấp Phú Hòa	1 trụ sở	300
27	Trụ sở ấp Phú Thọ	1 trụ sở	300
28	Trụ sở ấp Phú Lộc	1 trụ sở	300
II	Xã Phước Tân		26.157
1	Nâng cấp bê tông đường GTNT ấp Thạnh Sơn 2A	1,109 km	2.421
2	Nâng cấp bê tông đường GTNT ấp Thạnh Sơn 2B	1,22 km	2.203
3	Nâng cấp đường bê tông ấp Bà Rịa	0,948 km	1.445
4	Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Rú	1,65 km	2.191
5	Nâng cấp đường giao thông nội đồng Tân Rú số 11-16	5,02 km	3.743

TT	DANH MỤC, DỰ ÁN	Quy mô	Tổng mức đầu tư
6	Xây dựng mương tưới giai đoạn 2 ấp Tân An - TS4- Việt Kiều (N3 -1,2,3,4)	3,24 km	6.754
7	Nâng cấp hội trường TTVH	1 HT	5.000
8	Trụ sở ấp Tân An	1 trụ sở	800
9	Trụ sở ấp Bà Rịa	1 trụ sở	800
10	Trụ sở ấp Thanh Sơn 2B	1 trụ sở	800
III	Xã Tân Lâm		11.106
1	Mương nội đồng tổ 7 ấp Bàu Chiên	916 m	2.954
2	Mương thoát nước số 2 ấp Suối Lê	437 m	2.421
3	Mương tổ 6 ấp Bàu Chiên	806 m	1.108
4	Mương thoát nước đường GTNT khu vực nhà ông Giang, ấp Bàu Chiên	1.427 m	1.820
5	Nạo vét mương KT8 - 8	830 m	559
6	Nạo vét mương KT1 - 1	1.263 m	416
7	Đường giao thông thôn thôn ấp Bàu Chiên	962 m	1.828
B	THỊ XÃ PHÚ MỸ		21.500
I	Xã Sông Xoài		7.550
1	Đường nội đồng tổ 3, tổ 4 ấp Cầu Ry	650 m	1.300
2	Đường nội đồng tổ 5 ấp Cầu Mới	1.220 m	2.750
3	Đường nội đồng tổ 5 - tổ 8 ấp Cầu Mới	1.630 m	3.500
II	Xã Châu Pha		13.950
1	Đường nội đồng tổ 1,2 Tân Lễ A - Tân Trung - Tân Phú	1.180,72 m	2.900
2	Đường nội đồng Tân Trung đi Suối Tre và tuyến nội bảo chiều ngoài đi N8	837,1 m	1.800
3	Kênh nội đồng N4-20 đi N4 - 22, Suối tre đi Châu Pha	1.036,30 m	3.700
4	Đường Châu Pha 5 đi hồ Châu Pha, thôn Bàu Phụng - Tân Hà	1.250 m	3.200
5	Đường Châu Pha 15 đi Châu Pha 16, thôn Tân Ninh - Tân Long	1.030 m	2.350
C	HUYỆN CHÂU ĐỨC		158.500
1	Đường tổ 8 ấp Gia Hòa Yên (đoạn giáp ranh Bình Trung)	1.200 m	3.000
2	Đường dân cư Kim Bình xã Bình Giã	1.200 m	4.000
3	Đường nội đồng ấp Lộc Hòa xã Bình Giã	3.300 m	5.900
4	Đường nội đồng đôi Gia Hòa xã Bình Giã	2.300 m	4.500
5	Đường nội đồng Nghi Lộc xã Bình Giã	2.450 m	5.000
6	Đường hàng 4 đoạn Lộc Hòa - Đông Linh và đường hàng 7 Nghi Lộc xã Bình Giã	2.150 m	5.800
7	Đường hàng 8, 9 ấp Nghi Lộc; hàng 7, 8 ấp Đông Linh; đường nhà thờ Vinh Châu xã Bình	2.100 m	6.000
8	Đường Xà La - Nhân Hòa, thôn 3 - 4 xã Bình Trung	2.050 m	6.200
9	Đường tổ 14 - 15, thôn 2-3 xã Bình Trung	2.200 m	6.500
10	Đường thôn 1- thôn 2 - thôn 3 xã Bình Trung	2.050 m	6.000
11	Đường nội đồng thôn 2 xã Bình Trung	4.100 m	8.500
12	Đường nội đồng thôn 4 xã Bình Trung	3.100 m	6.500
13	Đường nội đồng thôn 3 xã Bình Trung	3.800 m	6.600
14	Đường thôn 5, giáp ranh Bình Giã xã Bình Trung	2.050 m	5.500
15	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã xã Bình Trung		5.000
16	Nâng cấp đường số 27 thôn Vinh Sơn xã Nghĩa Thành	1,25	4.800
17	Nâng cấp đường số 2, số 4, số 8 thôn Vinh Sơn xã Nghĩa Thành	2.150 m	7.400

TT	DANH MỤC, DỰ ÁN	Quy mô	Tổng mức đầu tư
18	Nâng cấp đường tổ 53, tổ 55-56 thôn Quảng Tây xã Nghĩa Thành	900 m	2.600
19	Nâng cấp hệ thống lưới điện xã Nghĩa Thành	42.826m	12.000
20	Đường Vĩnh Bình - Lộc Hòa xã Bình Giả	2.600 m	7.100
21	Đường nội đồng Vĩnh An, Vĩnh Bình xã Bình Giả	3.200 m	6.000
22	Đường nội đồng Gia Hòa - Vĩnh Bình xã Bình Giả	2.900 m	4.500
23	Cải tạo, nâng cấp trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Bình Giả		6.000
24	Nâng cấp trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Bình Trung		6.000
25	Cải tạo, nâng cấp chợ xã Láng Lớn		2.000
26	Nâng cấp đường Vĩnh Bình - Giáo xứ Vinh Châu xã Bình Trung		8.000
27	Nâng cấp Đường tổ 7 ấp Gia Hòa Yên, xã Bình Giả		7.100

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020
DỰ ÁN BỔ SUNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HUYỆN XUYỀN MỘC
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 57/NQ-HĐND NGÀY 18/7/2019 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 15/12/2019 của HĐND tỉnh BR-VT)

Đơn vị: triệu đồng

TT	DANH MỤC, DỰ ÁN	Quy mô	Tổng mức đầu tư
A	HUYỆN XUYỀN MỘC		144.000
I	Xã Hòa Hiệp		24.000
1	Nâng cấp khu nhà UBND xã Hòa Hiệp	1 trụ sở	4.200
2	Trụ sở ấp Phú Sơn	1 trụ sở	2.200
3	Trụ sở ấp Phú Lâm	1 trụ sở	2.200
4	Trụ sở ấp Phú Vinh	1 trụ sở	2.200
5	Trụ sở ấp Phú Thiện	1 trụ sở	2.200
6	Trụ sở ấp Phú Tâm	1 trụ sở	2.200
7	Trụ sở ấp Phú Bình	1 trụ sở	2.200
8	Trụ sở ấp Phú Hòa	1 trụ sở	2.200
9	Trụ sở ấp Phú Thọ	1 trụ sở	2.200
10	Trụ sở ấp Phú Lộc	1 trụ sở	2.200
II	Xã Phước Tân		12.000
1	Trụ sở ấp Việt Kiều	1 trụ sở	2.200
2	Trụ sở ấp Tân Trung	1 trụ sở	1.633
3	Trụ sở ấp Thạnh Sơn 4	1 trụ sở	1.633
4	Trụ sở ấp Thạnh Sơn 3	1 trụ sở	1.633
5	Trụ sở ấp Tân An	1 trụ sở	1.633
6	Trụ sở ấp Bà Rịa	1 trụ sở	1.633
7	Trụ sở ấp Thanh Sơn 2B	1 trụ sở	1.635
III	Xã Hòa Hưng		58.000
1	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới	Quy hoạch	185
2	Nâng cấp đường Liên xã Hòa Hưng - Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc	3.600 m	10.200
3	Nâng cấp đường GTNT ấp 2 - ấp 4B, ấp 3-4, ấp 4A-5, xã Hòa Hưng	1.750 m	4.970
4	Nâng cấp đường GTNT ấp 4B-5, 4B-9, 4B-16, 4B-17, 4B-21, 4B-24, xã Hòa Hưng	3.080 m	8.039
5	Đường giao thông ấp 1-1, ấp 4A-10, xã Hòa Hưng	1.780 m	2.590
6	Đường giao thông ấp 1-5-1, 1-5-2, 1-5-3, xã Hòa Hưng	1.970 m	4.127
7	Đường giao thông ấp 3-8, 3-13, ấp 1-3-1, xã Hòa Hưng	1.270 m	2.440
8	Nâng cấp đường ấp 4B-11, 4B-18, 4B-19, 4B-20, xã Hòa Hưng	1.500 m	3.825
9	Đầu tư xây dựng nhà VH sinh hoạt ấp	2 cái	6.629
10	Xây dựng phòng học tập cộng đồng, sửa chữa hội trường, nhà vệ sinh, xã Hòa Hưng	1 cái	14.995
IV	Xã Bông Trang		50.000

TT	DANH MỤC, DỰ ÁN	Quy mô	Tổng mức đầu tư
1	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới	Quy hoạch	170
2	Nâng cấp đường tổ 1 ấp Trang Hùng, tổ 4 ấp Trang Nghiêm, tổ 5 ấp Trang Định, xã Bông Trang	2.200 m	5.661
3	Nâng cấp đường tổ 2, tổ 3, tổ 4 ấp Trang Hùng và đường vào khu 8,3ha, xã Bông Trang	1.255 m	2.949
4	Nâng cấp đường tổ 3, tổ 4, tổ 5 ấp Trang Định, xã Bông Trang	1.110 m	2.609
5	Nâng cấp đường tổ 2 ấp Trang Nghiêm, tổ 6, tổ 7 ấp Trang Hoàng, xã Bông Trang	1.400 m	3.290
6	Tuyến mương tưới ấp Trang Nghiêm, xã Bông Trang	950 m	2.660
7	Tuyến mương tưới ấp Trang Định, xã Bông Trang	3.450 m	9.660
8	Tuyến mương tưới ấp Trang Hùng, xã Bông Trang	1.650 m	4.620
9	Tuyến mương tưới ấp Trang Trí, xã Bông Trang	1.000 m	2.800
10	Xây kè các mương thoát nước chống ngập úng khu dân cư tại ấp Trang Hoàng và Trang Nghiêm, xã Bông Trang	3.750 m	9.300
11	Mua sắm trang thiết bị đầu tư giai đoạn 2 Trung tâm Văn hóa HTCD	1	4.600
12	Nâng cấp, chỉnh sửa chợ Bông Trang	1	1.681



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020

CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2019-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 1/NA/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Chiều dài (m)	TMBT	KH 2020	Ghi chú
	TỔNG CỘNG:		149.810	146.700	
A	Huyện Xuyên Mộc:		116.750	116.750	
I	Công trình giao thông:	45.390	115.750	115.750	
1	Đường GTNT tổ 3,4,5,6 ấp Tân Trung, xã Phước Tân	3.680	9.384	9.384	
2	Nâng cấp đường Khu I đi cầu một Ngàn, xã Bình Châu	2.000	5.100	5.100	
3	Đường tổ 8 ấp Phú Tài, tổ 10, 12 ấp Phú Quý, Hòa Hiệp	2.900	7.395	7.395	
4	Đường tổ 12 ấp Phú Quý, tổ 10, 20 Phú Vinh, Hòa Hiệp	2.700	6.885	6.885	
5	Đường tổ 6, tổ 12-15 ấp Phú Lộc, xã Hòa Hiệp	4.000	10.200	10.200	
6	Đường GTNT tổ 6 ấp Tân Rú, xã Phước Tân	4.680	11.934	11.934	
7	Đường tổ 15, 16 ấp Phú Lộc, xã Hòa Hiệp	3.500	8.930	8.930	
8	Đường tổ 4, 9 ấp Phú Lâm, xã Hòa Hiệp	6.000	15.300	15.300	
9	Đường tuyến tổ 1-12, đặc tên Khu 1-24 xã Bình Châu	1.000	2.550	2.550	
10	Đường GTNT tổ 7 ấp Tân Trung xã, Phước Tân	2.580	6.579	6.579	
11	Đường tổ 2, tổ 12 ấp Phú Vinh xã Hòa Hiệp	2.500	6.375	6.375	
12	Đường tổ 2, ấp Bàu Hàm xã Tân Lâm	1.800	4.590	4.590	
13	Nâng cấp láng nhựa đường Suối Tre - QL55, Phước Tân	1.500	3.825	3.825	
14	Nâng cấp láng nhựa đường tổ 4 ấp Tân Rú, Phước Tân	2.000	5.100	5.100	
15	Nâng cấp đường tổ 1,2 ấp Bàu Hàm, xã Tân Lâm	2.350	5.993	5.993	
16	Nâng cấp láng nhựa đường tổ 5 ấp 2 Tây, xã Bàu Lâm	2.200	5.610	5.610	
II	Công trình điện:	1.000	1.000	1.000	
1	Tuyến điện hạ thế tổ 4, ấp Khu 1 xã Bình Châu	1.000	1.000	1.000	
B	Huyện Châu Đức:		33.060	29.950	
I	Công trình giao thông:	9.200	23.460	21.450	
1	Đường liên tổ 1,2, thôn Lồ Ổ, xã Đá Bạc	1.200	3.060	2.780	
2	Đường tổ 1 thôn 1 (nhà Bà Xá), xã Suối Rao	1.000	2.550	2.270	
3	Đường tổ 3 thôn 3 (nhà Bà Hậu), xã Suối Rao	1.600	4.080	3.800	
4	Đường tổ 3 thôn 3 (nhà ông Sự), xã Suối Rao	1.300	3.315	3.030	
5	Đường tổ 3 thôn 3 (nhà ông Hậu), xã Suối Rao	1.400	3.570	3.290	
6	Đường tổ 3 thôn 3 (nhà ông Yên), xã Suối Rao	1.200	3.060	2.780	
7	Đường tổ 3 thôn 1 (nhà Bà Văn), xã Suối Rao	1.500	3.825	3.500	
II	Công trình điện:	9.600	9.600	8.500	
1	Đường dây hạ thế và TBA tổ 1 thôn 1, xã Suối Rao	1.000	1.000	900	
2	Đường dây hạ thế và TBA tổ 2 thôn 1, xã Suối Rao	1.600	1.600	1.500	

STT	Tên công trình	Chiều dài (m)	TMĐT	KH 2020	Ghi chú
3	Đường dây hạ thế tổ 3 thôn 1 (đất Bà Ván), xã Suối Rao	700	700	600	
4	Đường dây hạ thế tổ 4 thôn 1 (Kênh sông rây, xã Suối Rao	700	700	600	
5	Đường dây hạ thế và TBA tổ 5 thôn 1, xã Suối Rao	1.200	1.200	1.100	
6	Đường dây hạ thế và TBA tổ 3 thôn 3, xã Suối Rao	1.300	1.300	1.200	
7	Đường dây hạ thế tổ 6 thôn 3, xã Suối Rao	500	500	400	
8	Đường dây hạ thế tổ 2, 6 thôn 3, xã Suối Rao	500	500	400	
9	Đường dây hạ thế tổ 4 thôn 1, xã Suối Rao	800	800	700	
10	Tuyến điện hạ thế tổ 4 thôn 3, xã Suối Rao	500	500	400	
11	Đường dây hạ thế tổ 2 thôn 3, xã Suối Rao	800	800	700	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020

ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN
2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Chiều dài (m)	TMĐT	KH 2020	Ghi chú
	TỔNG CỘNG:		39.355	39.000	
A	Huyện Xuyên Mộc:		15.030	15.000	
I	Công trình giao thông:	10.700	15.030	15.000	
1	Đường trục sở ấp 2, đường phường Hạnh, đường vào Láng Bè, xã Hòa Bình	3.100	4.030	4.000	
2	Đường liên ấp tổ 3, tổ 10, khu I đến tổ 1, xã Bình Châu	2.500	3.250	3.250	
3	Đường 4 liên ấp Phú Tài-Phú Lộc (khu dân tộc), xã Hòa Hiệp	3.500	4.550	4.550	
4	Nâng cấp đường nhựa Suối Lê 3-4 (tổ 8), xã Tân Lâm	1.600	3.200	3.200	
B	Huyện Châu Đức:		15.300	15.000	
I	Công trình giao thông:	4.500	11.250	11.050	
1	Đường Tuyến tổ 1,3 thôn Sông Xoài 3	1.200	3.000	2.900	
2	Đường tổ 18 thôn Tân Châu, xã Bàu Chinh	1.000	2.500	2.500	
3	Đường tổ 45, 46 thôn Tân Hưng, xã Bàu Chinh	1.000	2.500	2.500	
4	Đường tổ 48, thôn Sơn Hòa, xã Sơn Bình	1.300	3.250	3.150	
II	Công trình điện:	3.300	3.300	3.200	
1	Đường dây hạ thế tổ 6, thôn Tân Giao, xã Láng Lớn	700	700	700	
2	Đường dây hạ thế tổ 1,3,5 thôn Sông Xoài 3,4, xã Láng Lớn	2.000	2.000	1.900	
3	Đường dây hạ thế tổ 4,5 thôn Sông Xoài 1, xã Láng Lớn	600	600	600	
III	Công trình nước sinh hoạt:	1.500	750	750	
1	Hệ thống đường nước tổ 1, thôn Lò Ô, xã Đá Bạc	1.500	750	750	
C	Thị xã Phú Mỹ:		9.025	9.000	
I	Công trình giao thông:	2.850	7.125	7.100	
1	Đường tổ 3, ấp Sông Xoài II, xã Sông Xoài	1.500	3.750	3.750	
2	Tuyến Châu pha 7, xã Châu Pha	1.350	3.375	3.350	
II	Công trình điện:	600	600	600	
1	Tuyến điện hạ thế tổ 3, ấp Sông Xoài I, xã Sông Xoài	600	600	600	
II	Công trình thủy lợi:	650	1.300	1.300	
1	Tuyến kênh mương thôn Tân Phú, xã Châu Pha	650	1.300	1.300	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020

Nguồn Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách cấp huyện đầu tư các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội
(Kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)



ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư	KH vốn năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NS tỉnh bổ sung	NS cấp huyện	
	Tổng số		655.000	655.000		
I	Thành phố Vũng Tàu		120.000	120.000		
	<u>Chuyển tiếp sang năm 2020: 05 công trình</u>					
1	HTKT công trình công cộng và tái định cư P.12 TPVT	34.206	10.000	10.000		
2	Xây dựng nút giao thông Trương Công Định - Trần Đồng - Lê Lai	71.931	27.000	27.000		
3	Cải tạo, nâng cấp hẻm 383 đường Bình Giã và đoạn nối thông hẻm 616 với hẻm 636 Trương Công Định	1.769	1.000	1.000		
4	Mở rộng hẻm số 90 đường Hoàng Văn Thụ nối thông ra đường Trương Công Định	53.072	22.000	22.000		
5	Xây dựng kênh Đồng Sát 1 (đoạn từ hẻm 121 Đô Lương tới hẻm 1410/9 đường 30 tháng 4)	38.159	15.000	15.000		
	<u>Khởi công mới năm 2020: 05 công trình</u>					
1	Kết nối đường vào trụ sở UBND P.10 với dự án khu đô thị Chí Linh	21.414	5.000	5.000		
2	Cải tạo, nâng cấp đường Lưu Chí Hiếu (đoạn từ đường 2/9 đến đường 3/2), phường 10, TPVT	3.764	3.000	3.000		
3	Xây dựng kênh Đồng Sát 1 (đoạn từ đầu tuyến đến hẻm 121 đường Đô Lương)	53.424	19.000	19.000		
4	Cải tạo, nâng cấp hẻm số 41 đường Nguyễn Thiện Thuật, phường Thắng Nhất	734	700	700		
5	Cải tạo vỉa hè đường Trần Phú (đoạn từ số 222 đường Trần Phú đến đường Nguyễn An Ninh)	27.044	17.300	17.300		
II	Thành phố Bà Rịa		80.000	80.000		
	<u>Chuyển tiếp sang năm 2020: 04 công trình</u>					
1	Đường Chu Văn An nối dài, phường Long Tâm	10.200	5.000	5.000		
2	Đường Trần Quang Diệu, phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa	34.471	20.000	20.000		
3	Đường Tôn Đức Thắng nối dài	26.250	14.000	14.000		
4	Tái định cư phường Long Tâm	13.400	5.000	5.000		
	<u>Khởi công mới năm 2020: 03 công trình</u>					

TT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư	KH vốn năm 2020		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó	
				NS tỉnh bổ sung	
1	Đường Phạm Văn Hy, phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa	44.000	16.000	16.000	
2	Tái định cư Gò Tiều xã Long Phước	25.000	10.000	10.000	
3	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài, phường Long Toàn	37.400	10.000	10.000	
III	Thị xã Phú Mỹ		80.000	80.000	
	<u>Khởi công mới năm 2020: 04 công trình</u>				
1	Công viên khu TĐC 26,5ha	9.019	3.000	3.000	
2	Đường Nguyễn Huệ (29) nối dài QH 11	93.707	35.000	35.000	
3	Đường H nối dài (MX-NG cũ)	60.708	29.000	29.000	
4	Đường bên cạnh khu TĐC 5,6ha QH 30ha	31.009	13.000	13.000	
IV	Huyện Long Điền		80.000	80.000	
	<u>Khởi công mới năm 2020: 101 công trình</u>				
1	Hẻm bên hông trụ sở khu phố Long Nguyên	1.057	1.025	1.025	
2	Sửa chữa tuyến hẻm bên hông Trạm y tế thị trấn Long Điền	1.469	520	520	
3	Sửa chữa, nâng cấp tuyến hẻm đường Dương Bạch Mai, khu phố Long Phước	600	580	580	
4	Mương thoát nước cầu Đá Thùng (giáp ranh xã An Ngãi) - đường Phan Đăng Lưu, khu phố Long Sơn và Long Bình	5.741	1.625	1.625	
5	Hẻm đối diện nhà bác sỹ Sơn, khu phố Long Lâm	689	670	670	
6	Đường Bùi Công Minh đến đường QH số 17, khu phố Long Tân và khu phố Long Sơn	2.297	810	810	
7	Hẻm số 69 (bên hông nhà ông Nguyễn Văn Trung), khu phố Long Nguyên	887	860	860	
8	Mương thoát nước bên hông chùa Long Hoa đến giáp QL55, Khu phố Long An	1.688	600	600	
9	Đường Lê Hồng Phong (từ đường Trần Xuân Độ đến đường Dương Bạch Mai), khu phố Long Phước	7.750	2.730	2.730	
10	Mương thoát nước cạnh nhà bà Nhông, khu phố Long Tân	1.404	500	500	
11	Hẻm đường Bùi Công Minh, khu phố Long Bình	645	630	630	
12	Hệ thống thoát nước, kè chắn đất và vỉa hè đi bộ xung quanh bờ hồ khu vực Bàu Thành	4.990	1.760	1.760	
13	Xây dựng lan can bao quanh bờ hồ khu vực Bàu Thành	4.770	1.720	1.720	
14	Sửa chữa, cải tạo đường bao quanh hồ và các tuyến nhánh khu vực Bàu Thành	4.700	1.670	1.670	

TT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư	KH vốn năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NS tỉnh bổ sung	NS cấp huyện	
15	Mương Đầu Khâu khu vực ruộng ông Hai Lơ	579	565	565		
16	Mương từ ruộng ông Ba Khoán đến ruộng ông Thảo	272	265	265		
17	Mương Khâu khu vực ruộng ông Năm Bê	161	160	160		
18	Mương đáy ruộng ông Năm Thanh	232	230	230		
19	Mương thoát khu vực Bàu Lát	218	215	215		
20	Mương tưới khu vực ruộng ông Minh, ông Hùng, ông Liêm và ông Vẽ	770	755	755		
21	Mương từ nhà cô Bảy Xuân tới Hồ Hùng, ấp An Đồng	848	825	825		
22	Tuyến mương QL55 - nhà bà Phúc tới nhà ông Tư Ủ (2 bên), ấp An Lạc	2.216	780	780		
23	Nâng cấp, sửa chữa mương thoát nước từ QL55 nhà ông Tiếp đến nhà máy sấy bà Thảo (2 bên), đường từ nhà bà Bảy Hồng tới bà Sáu Xuyên, ấp An Trung	2.662	935	935		
24	Nâng cấp, sửa chữa mương thoát nước từ QL55 nhà ông Tư Hớ đến ông Bé Ngón (2 bên), ấp An Hòa	4.048	1.420	1.420		
25	Mương khâu bà Lụa,	769	750	750		
26	Mương thoát nước Đáy Phần Nhỏ	522	510	510		
27	Mương Đáy Xà Đồi	605	590	590		
28	Đường từ nhà ông Năm Nhiều đến nhà bà Thảo - từ nhà ông Khanh đến nhà ông Thảo, ấp An Trung	495	485	485		
29	Đường từ nhà ông Kiệt tới nhà ông Đăng, ấp An Lạc	268	265	265		
30	Mương từ nhà ông Ba Thế đến nhà ông Tư Ủ, nhà ông Ba Sơn, nhà ông Bảy Cường, ấp An Lạc	1.493	525	525		
31	Đường từ QL55 nhà ông Nghĩa giáp với tuyến bà Trang tới ông Tốt, ấp An Hòa	464	455	455		
32	Tuyến mương từ nhà bà Đồi đến nhà bà Lâm Thị Hương, ấp Phước Trinh	2.949	1.050	1.050		
33	Tuyến đường cấp hồ Bút Thiên đến giáp xã Long Mỹ, ấp Phước Trinh	4.615	1.625	1.625		
34	Tuyến đường từ Tỉnh lộ 44B - Hồ Bút Thiên, ấp Phước Trinh	4.588	1.615	1.615		
35	Tuyến đường liên ấp Phước Trung - Phước Bình	3.921	1.380	1.380		
36	Tuyến đường từ nhà bà Đồi đến nhà ông Thái Thuận Xi, ấp Phước Trinh	560	550	550		
37	Tuyến đường từ nhà bà Thế đến nhà bà Kim	1.233	450	450		
38	Đường hẻm bên hông nhà bà Năm Theo (từ đường Võ Thị Sáu đến nhà ông Mười Hai đồ điện), Khu phố Hải Lộc	367	360	360		

TT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư	KH vốn năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NS tỉnh bổ sung	NS cấp huyện	
39	Đường hẻm bên hông nhà ông Bình Mai (từ đường Võ Thị Sáu đến đường Suối Tiên), Khu phố Hải Điền	1.101	390	390		
40	Đường hẻm bên hông nhà bà Triều Hương (từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường hăng nước đá), Khu phố Hải Hòa	927	900	900		
41	Đường hẻm nhà ông Nguyễn Văn Tân (tổ 2), khu phố Hải An	763	745	745		
42	Hẻm từ đường Phạm Đình Duy đến đường Nguyễn Thị Thành, khu phố Hải An	382	375	375		
43	Đường hẻm tổ dân cư 12, 13, 15, khu phố Hải Tân	837	820	820		
44	Đường hẻm tổ dân cư 13 (từ nhà bà Phương), khu phố Hải Tân	764	745	745		
45	Đường hẻm tổ dân cư số 17 (từ nhà trọ bà Cải), khu phố Hải Tân	239	235	235		
46	Đường hẻm tổ dân cư 19 (từ TL44A cũ – nhà ông Thịnh), khu phố Hải Tân	400	390	390		
47	Đường hẻm nhà bà Nhang, khu phố Hải Lộc	946	920	920		
48	Đường hẻm nhà bà Quyên (đường EC và nhánh bên hông nhà ông Điền), khu phố Hải Lộc	2.336	825	825		
49	Đường hẻm bên hông chợ Hải Sơn, khu phố Hải Sơn	553	550	550		
50	Đường hẻm vào khu phố Hải Lộc, khu phố Hải Lộc	360	355	355		
51	Đường hẻm bên hông cà phê Mai Vàng, khu phố Hải Lộc	752	735	735		
52	Đường Lý Tự Trọng (Đường trung tâm Đoàn An Điều Đường 298)	649	635	635		
53	Đường bên hông trụ sở khu phố Hải Sơn, khu phố Hải Sơn	496	485	485		
54	Tuyến mương thoát nước tại khu phố Hải Tân từ đoạn cuối giáp đường Bê tông xi măng nhà ông Trần Xuân	227	225	225		
55	Tuyến mương thoát nước tại khu phố Hải An đoạn Cổng thoát nước đường QH số 4	143	140	140		
56	Đường hẻm trước nhà ông Lê Văn Thiện (từ trường THPT Long Hải - Phước Tỉnh đến chợ), tổ dân cư số 1, Khu phố Hải Bình	1.435	510	510		
57	Đường hẻm bên hông nhà ông Hoàng Văn Khoa đến giáp đường Trường Chinh (tổ dân cư số 2), Khu phố Hải An	1.549	550	550		
58	Đường hẻm Karaoke bà Thủy (từ nhà bà Thủy đến nhà ông Đồng Văn Huỳnh), Khu phố Hải Hòa	585	580	580		
59	Tuyến đường giao thông Suối Tiên	4.501	1.600	1.600		

TT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư	KH vốn năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NS tỉnh bổ sung	NS cấp huyện	
60	Đường tổ 22 ấp Phước Lâm từ đường bê tông tổ 22 đến nhà ông Thiện, ấp Phước Lâm	420	410	410		
61	Đường tổ 30 ấp Phước Lâm từ đường liên xã Phước Hưng - Phước Tỉnh đến nhà ông Tiến	1.501	530	530		
62	Tuyến đường giao thông nông thôn tổ 5 ấp Hải Lâm	1.277	450	450		
63	Mương thoát nước tổ 8, ấp Lò Vôi	4.055	2.900	2.900		
64	Mương thoát nước khu dân cư từ cống đường khu A Hải Lâm - giáp ống dẫn khí	4.395	3.100	3.100		
65	Mương thoát nước từ đường TL 44A GĐ2 (đường Nguyễn Tất Thành) đến cầu Bàn, ấp Lò Vôi	3.072	2.150	2.150		
66	Đường nhà Thờ Tân Phước - nhà ông Pháp (Tô), ấp Tân Phước	919	900	900		
67	Đường ranh liên xã Phước Hưng - Phước Tỉnh, ấp Phước Bình	664	645	645		
68	Đường bên hông nhà thờ Phước Tỉnh (HL5-BTN liên ấp Phước Hương), ấp Phước Hiệp	970	945	945		
69	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống đường giao thông khu dân cư làng cá Phước Tỉnh, ấp Phước Bình	9.324	3.300	3.300		
70	Đường từ vòng xoay Phước Bình đến khu tái định cư Phước Tỉnh	9.982	3.500	3.500		
71	Đường liên tổ 2-3 ấp Phước Lợi từ trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai đến ngã 3 ấp Phước Tân, ấp Phước Lợi	816	795	795		
72	Đường tổ 3 từ quán Duy An đến nhà ông Tỉnh	818	795	795		
73	Đường tổ 3 từ tiệm Net liên minh đến nhà ông Khoa, ấp Phước Bình	337	330	330		
74	Đường tổ 1-6 từ ấp Phước Bình đến nhà ông Thái, ấp Phước Bình	306	300	300		
75	Đường tổ 4 từ nhà ông Phúc đến nhà bà Hồng, ấp Phước Bình	306	300	300		
76	Đường tổ 7 từ nhà ông Bang đến nhà ông Khánh, ấp Phước Bình	631	620	620		
77	Đường liên ấp Phước Hòa (tổ 2) từ nhà bà Mùa đến nhà ông Hoàng, ấp Phước Thắng	772	750	750		
78	Đường tổ 3 từ nhà bà Phương đến nhà ông Xuân, ấp Phước Thắng	974	945	945		
79	Đường tổ 8 từ ông Thái đến nhà bà Hà, ấp Phước Thiện	300	295	295		
80	Đường tổ 5 từ trường tiểu học Võ Văn Kiệt đến nhà ông Hội, ấp Phước Hòa	828	810	810		
81	Đường tổ 1 từ nhà ông Vinh đến nhà ông Hải, ấp Phước Thái	232	230	230		

TT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư	KH vốn năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NS tỉnh bổ sung	NS cấp huyện	
82	Đường tổ 2 từ nhà ông Ty đến nhà bà Hẹn, ấp Phước Thiện	188	185	185		
83	Đường tổ 9 từ bà Thạch đến nhà ông Vũ, ấp Phước Thiện	236	230	230		
84	Đường tổ 7 từ nhà bà Phương đến nhà ông Hà, ấp Phước Thiện	499	485	485		
85	Đường tổ 7 từ nhà ông Thiên đến nhà ông Tư, ấp Phước Thiện	703	685	685		
86	Đường tổ 7 từ nhà ông Vũ đến nhà ông Lê Minh Thông, ấp Phước Thiện	619	610	610		
87	Đường tổ 7 từ nhà ông Việt đến nhà ông ba Lại, ấp Phước Thiện	376	370	370		
88	Đường tổ 9 từ nhà ông Thảo đến nhà bà Trường, ấp Phước Lợi	328	320	320		
89	Đường tổ 8 từ nhà ông Đoàn đến nhà bà Thùy Trang, ấp Phước Lợi	251	245	245		
90	Đường từ nhà ông Việt đến nhà ông Tài (trại Công Suong đến đất ông Hiền), ấp Phước Lợi	582	570	570		
91	Đường tổ 2 từ nhà ông Hà đến nhà bà Cảnh, ấp Phước Lợi	830	810	810		
92	Đường tổ 10 từ nhà ông Ngọc đến nhà ông Chung, ấp Phước Tân	307	300	300		
93	Đường liên tổ 6-8 từ nhà bà Thơ đến bà Bèo ấp Phước An	210	205	205		
94	Đường tổ 5 từ nhà bà Oanh đến nhà bà Thủy Suong, ấp Phước An	2.871	1.050	1.050		
95	Đường liên ấp Phước Lộc (tổ 3) từ nhà bà Sung đến nhà bà Hoa, ấp Phước An	505	490	490		
96	Đường liên tổ 2-3 nhà ông Thắng (cá khô), ấp Phước Thắng	691	675	675		
97	Đường tổ 1 từ hương lộ 5 - cuối đường ông Sâm (02 nhánh), ấp Phước Hòa	561	545	545		
98	Đường bê tông xi măng liên tổ 3-4-5 (ông Đăng - ông Bá Tri), ấp Phước Tân	985	960	960		
99	Đường quán cà phê ông Hạnh, ấp Phước Tân	591	580	580		
100	Đường liên tổ 1-4 (HL5 ban ấp - ông Nguyễn Phúc), ấp Tân Phước	378	370	370		
101	Đường từ nhà ông Trúc (HL5) - nhà ông Riệp (2 đoạn), ấp Tân Phước	149	145	145		
V	Huyện Đất Đỏ		80.000	80.000		
	TTKL hoàn thành: 06 công trình					
1	Sửa chữa, nâng cấp nhà lồng chợ chính chợ Phước Hải, thị trấn Phước Hải	27.648	1.635	1.635		
2	Đường quy hoạch D12 (Ngô Gia Tự), thị trấn Phước Hải	2.246	790	790		
3	Đường quy hoạch D3 (đoạn từ chợ Phước Hải đến TL44A), thị trấn Phước Hải	5.918	3.115	3.115		

TT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư	KH vốn năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NS tỉnh bổ sung	NS cấp huyện	
4	Cấp phối tuyến đường đê kênh tiêu Bà Lá - Sông Đăng, xã Láng Dài	8.544	3.270	3.270		
5	Bê tông tuyến mương Vạn Điền Đến Suối Ngang, xã Long Tân	4.223	126	126		
6	Bê tông mương Gò Duối, ruộng ông Hiệp đến đập D3, thị trấn Đất Đỏ	6.094	498	498		
	<u>Chuyển tiếp sang năm 2020: 27 công trình</u>					
1	Sửa chữa các công sở năm 2019	4.710	1.810	1.810		
2	Cải tạo vòng xoay TTHC huyện	8.069	2.065	2.065		
3	Sửa chữa trung tâm hành chính huyện Đất Đỏ (giai đoạn 2)	4.908	3.205	3.205		
4	Chỉnh trang khuôn viên trụ sở Công an huyện	1.893	555	555		
5	Chỉnh trang khu vực công viên Tượng đài AHLS Võ Thị Sáu	1.715	415	415		
6	Sửa chữa Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	987	622	622		
7	SC các khu phố trên địa bàn thị trấn Đất Đỏ	3.959	1.565	1.565		
8	Xây dựng bia tường niệm AHLS Châu Văn Biểc, xã Long Mỹ	3.753	1.250	1.250		
9	Sửa chữa Doanh trại BCH Quân sự huyện Đất Đỏ	3.865	2.515	2.515		
10	XD các bia chiến tích trên địa bàn huyện	4.486	2.765	2.765		
11	Xây dựng phòng trú bão cho các ban ấp xã Láng Dài	2.067	705	705		
12	Sửa chữa trụ sở UBND xã Láng Dài	3.496	2.195	2.195		
13	Sửa chữa các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện năm 2019	4.950	3.220	3.220		
14	Bê tông các tuyến hẻm trên địa bàn thị trấn Đất Đỏ	4.915	3.185	3.185		
15	Tuyến đường từ QL55 (nhà máy bà Nga) đến giáp đường QH số 3, thị trấn Đất Đỏ	2.695	950	950		
16	Láng nhựa tuyến đường Trần Huy Liệu, thị trấn Đất Đỏ	2.500	1.780	1.780		
17	Đường Lạc Long Quân (Từ đường D3 đến giáp đường Trần Phú), thị trấn Phước Hải	4.636	3.205	3.205		
18	Đường Trần Quý Dồng (Từ đường D3 đến giáp đường Trần Phú), thị trấn Phước Hải	4.022	2.280	2.280		
19	Đường từ đền Liệt sỹ cũ đến đền Liệt sỹ mới, xã Phước Hội	1.714	1.010	1.010		
20	Nâng cấp tuyến đường Xí nghiệp gạch - Hồ sở Bông, xã Long Mỹ	4.228	2.485	2.485		
21	Nâng cấp đường từ ruộng ông Lê Văn Lợi đến giáp đường đê bao ngăn mặn, xã Láng Dài	3.164	1.760	1.760		

TT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư	KH vốn năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NS tỉnh bổ sung	NS cấp huyện	
22	Cấp phối các tuyến đường trên địa bàn xã Long Tân	2.448	1.345	1.345		
23	Bê tông các tuyến hẻm nội vùng trên địa bàn xã Long Tân	1.470	940	940		
24	Tuyến mương từ đất ông Nguyễn Văn Hải đến kênh đồng Láng, xã Long Tân	3.176	1.395	1.395		
25	Bê tông tuyến mương từ ruộng ông Phạm Văn Triệu đến Sông Đăng, xã Láng Dài	4.675	3.725	3.725		
26	Lắp đặt 02 HTCS trên địa bàn thị trấn Đất Đỏ	728	231	231		
27	Lắp đặt điện chiếu sáng tuyến đường Trần Phú, thị trấn Phước Hải	602	214	214		
	<u>Khởi công mới năm 2020: 05 công trình</u>					
1	Sửa chữa các công sở trên bản huyện năm 2020	10.963	9.530	9.530		
2	Sửa chữa TTVH HTCSĐ các xã, thị trấn	4.446	4.000	4.000		
3	Chỉnh trang, nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang liệt sĩ liên huyện Đất Đỏ-Long Điền	4.998	4.400	4.400		
4	XD nhà lưu niệm Mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân huyện	4.185	3.700	3.700		
5	Đường QH D3 (giai đoạn 2), thị trấn Phước Hải	2.634	1.544	1.544		
VI	Huyện Châu Đức		80.000	80.000		
	<u>TTKL hoàn thành: 14 công trình</u>					
1	Mương thoát nước cửa xả Đường QH số 25 TT. Ngãi Giao gđ1	4.630	1.590	1.590		
2	Cải tạo, mở rộng Trường MN Sao Mai TT. Ngãi Giao gđ1	14.689	3.624	3.624		
3	Xây dựng TTVH HTCSĐ Bình Ba gđ2	4.885	1.014	1.014		
4	Cải tạo, mở rộng công viên phía trước TT hành chính Huyện (thực hiện gđ1)	6.638	197	197		
5	Đường Suối Rao Long Tân	18.044	3.844	3.844		
6	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Lý Thường Kiệt, Sơn Bình (gđ1)	26.336	1.600	1.600		
7	Đường vào nhà Bà mẹ VNAH, Sông Xoài 4, Láng Lớn (gđ1+gđ2)	3.412	271	271		
8	Xây dựng bổ sung Trường MN Sen Hồng, xã Kim Long (gđ 1)	4.982	80	80		
9	Xây dựng Cầu Ông Ép, thị trấn Ngãi Giao	4.555	485	485		
10	Xây dựng cầu Suối Lúp -103 xã Bình Ba	4.931	334	334		
11	Chợ Suối Nghé và đường vào chợ (gđ 1)	12.449	870	870		
12	Hạ tầng khu Tái định cư và giao đất ở mới tại xã Đá Bạc	14.950	4.000	4.000		
13	Hạ tầng khu Tái định cư cho đồng bào dân tộc tại xã Bình Ba	9.493	4.000	4.000		

TT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư	KH vốn năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NS tỉnh bổ sung	NS cấp huyện	
14	Hạ tầng khu Tái định cư xã Kim Long (đền bù - GPMB)	13.000	5.245	5.245		
	<u>Chuyển tiếp sang năm 2020: 20 công trình</u>					
1	Cải tạo Đường Bình Ba Suối Lúp gđ1	13.746	6.500	6.500		
2	Cải tạo Đường số 4 nội ô thị trấn Ngãi Giao gđ1	11.649	7.000	7.000		
3	Cải tạo xây mới trạm y tế xã Suối Nghệ gđ1	7.757	2.161	2.161		
4	Cải tạo sửa chữa TTVH HTCD các xã năm 2018	6.544	1.664	1.664		
5	Cải tạo sửa chữa Trụ sở UBND xã Láng Lớn Bình ba Bàu Chinh gđ1	7.419	2.693	2.693		
6	Xây mới và sửa chữa các trụ sở thôn trên địa bàn huyện năm 2017-2018	13.500	8.000	8.000		
7	Cải tạo chợ tại các xã trên địa bàn huyện năm 2018	2.500	2.500	2.500		
8	Bến xe khách Kim Long và cơ sở dịch vụ vận tải (XHH)	14.950	1.000	1.000		
9	Đường QL56 - Quảng Long 2 xã Kim Long, đường liên thôn Thành Long - Lạc Long-Hung Long, đường liên thôn Hiệp Long - Tân Long, đường tổ 64 thônTam Long	12.000	4.700	4.700		
10	Đường Kim Long - Cầu Sắt xã Kim Long, đường liên thôn Tam Long - Quảng Long xã Kim Long, đường liên thôn Hoa Long - ngã Giao- Cù Bị	13.500	5.300	5.300		
11	Đường vào Nghĩa địa thôn hữu Phước xã Suối Nghệ	1.538	780	780		
12	Đường vào tổ 82 thôn Tam Long xã Kim Long	2.482	1.700	1.700		
13	Đường nhựa vào nghĩa địa ấp Tân Lập xã Sơn Bình	1.700	878	878		
14	Đường tổ 59-60 thôn Tam Long xã Kim Long	5.600	2.200	2.200		
15	Cải tạo sửa chữa đường Huyện đồ, đường KP6, KP7	5.000	1.950	1.950		
16	DTSC đường tổ 6, tổ 8 Phú giao, đường 146 đường Trần Hưng Đạo, hẻm 14 Lê Hồng Phong	1.623	280	280		
17	Cải tạo nâng cấp hẻm 119, KP7, TT.Ngãi Giao	1.900	700	700		
18	Cải tạo nâng cấp đường Liên Thôn Liên Sơn - Xã bang2, xã Xã Bang	3.260	860	860		
19	Cải tạo nâng cấp đường Liên Thôn Hoa long - Tân Long xã Kim Long	4.970	1.070	1.070		
20	Cải tạo nâng cấp đường Liên Thôn Hiệp long - Quảng Long xã Kim Long	3.410	910	910		

TT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư	KH vốn năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NS tỉnh bổ sung	NS cấp huyện	
VII	Huyện Xuyên Mộc		80.000	80.000		
	<u>TTKL hoàn thành: 10 công trình</u>					
1	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT liên ấp Việt Kiều - Thạnh Sơn 4 - Tân An xã Phước Tân	6.353	4.021	4.021		
2	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT ấp 4, ấp 5, xã Hòa Bình	5.036	4.149	4.149		
3	Đường GTNT khu trung tâm hành chính xã Phước Tân	7.652	5.146	5.146		
4	Nâng cấp đường GTNT từ đá xô bồ lên nhựa đường tổ 3,4 ấp 3B xã Bàu Lâm	3.750	2.234	2.234		
5	Xây dựng một số đoạn đường gom ven Quốc lộ 55 theo quy hoạch trên địa bàn thị trấn Phước Bửu	14.247	6.500	6.500		
6	Nâng cấp đường ODA Gò Cà - Hồ Tràm, xã Phước Thuận	7.000	2.250	2.250		
7	Cải tạo, nâng cấp cống, hàng rào, sân, nhà để xe, hội trường, nhà vệ sinh hội trường UBND huyện	14.952	7.300	7.300		
8	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục thuộc khối nhà làm việc các phòng chức năng thuộc UBND huyện	4.547	3.000	3.000		
9	Nâng cấp đường WB2 xã Bung Riềng	4.992	2.400	2.400		
10	Nghĩa địa xã Bàu Lâm- Tân Lâm	14.661	7.000	7.000		
	<u>Chuyển tiếp sang năm 2020: 08 công trình</u>					
1	Nâng cấp, sửa chữa đường nội bộ Công an huyện	3.050	1.500	1.500		
2	Sân vận động xã Hòa Bình	4.500	2.000	2.000		
3	Mương thoát nước đường GTNT ấp 2 Đông, 2 Tây, ấp 4 xã Bàu Lâm	4.992	2.500	2.500		
4	Nâng cấp nhựa đường vào Đền thờ Liệt sỹ ấp Thèo Nèo xã Bình Châu	2.858	1.300	1.300		
5	Nâng cấp nhựa đường số 5 ấp Nhân Trung xã Xuyên Mộc	1.703	700	700		
6	Xây dựng kiên cố hóa các vòng xoay trên địa bàn xã Bình Châu	3.720	1.000	1.000		
7	Đường cây cây ấp Phú Thiện xã Hòa Hiệp	4.727	2.000	2.000		
8	Nạo vét, khơi thông dòng sông Hòa	84.415	10.000	10.000		
	<u>Khởi công mới năm 2020: công trình</u>		15.000	15.000		
VIII	Huyện Côn Đảo		55.000	55.000		
	<u>TTKL hoàn thành: 02 công trình</u>					
1	Sửa chữa kè biển đường Tôn Đức Thắng	45.363	9.000	9.000		
2	Xây dựng tường chắn non Bến Đầm (giai đoạn 1)	25.999	500	500		

TT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư	KH vốn năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NS tỉnh bổ sung	NS cấp huyện	
	<u>Chuyển tiếp sang năm 2020: 01 công trình</u>					
1	Nâng cấp tuyến đường Võ Thị Sáu	29.473	11.000	11.000		
	<u>Khởi công mới năm 2020: 02 công trình</u>					
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp Bến Đầm (giai đoạn 1)	39.469	30.000	30.000		
2	Xây dựng hệ thống kỹ thuật hạ tầng và san lấp mặt bằng, phân lô cấm mốc lô K	6.485	2.500	2.500		
	<u>Chuẩn bị đầu tư: 12 công trình</u>					
1	Xây dựng Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Bến Đầm (giai đoạn 2)		200	200		
2	Đóng mới tàu kiểm ngư vỏ thép		200	200		
3	Xây dựng nhà làm việc khu dân cư số 10		100	100		
4	Xây dựng trường mầm non Bến Đầm (giai đoạn 2)		100	100		
5	Xây dựng trường mầm non khu 1		100	100		
6	Cải tạo vỉa hè tuyến đường Phạm Văn Đồng		200	200		
7	Tuyến đường kết nối từ khu dân cư 9A đến đường Nguyễn Văn Cừ		200	200		
8	Đường Phan Chu Trinh nối dài theo quy hoạch		200	200		
9	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch khu dân cư phía Bắc Nghĩa trang Hàng Dương		200	200		
10	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng cảng Bến Đầm		200	200		
11	Xây dựng Nhà làm việc chung cho các KDC số 4,5,6,8		200	200		
12	Xây dựng nhà làm việc chung KDC số 7, 9		100	100		

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN CÔN ĐẢO
(Kèm theo Nghị quyết số 111 /NQ-HĐND ngày 13 /12/2019 của HĐND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

Đơn vị: triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt DA	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	KH 2020		Ghi chú
						TS	Tr đó BTGPMB, rà phá bom mìn, chỉ phí tư vấn	
	TỔNG SỐ					500.000	29.000	
A	TTKL DA ĐÃ HOÀN THÀNH							
1	Đường và kè quanh hồ Quang Trung Côn đảo	UBND H.Côn đảo	2186/QĐ.UBND-20/10/2014	3,34 km	219.140	7.285		
2	Chợ Côn Đảo	UBND H.Côn đảo	2380/QĐ-UBND-21/8/2016	5.705,5 m2	29.989	1.986		
3	Chi phí CBĐT dự án đóng mới tàu khách đi Côn Đảo	BQL Cảng Bến đằm				1.314		
4	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Côn Đảo	BQL Cảng Bến đằm	851/QĐ.BTS-24/10/2006; 1938/QĐ-BNN-TCTS-19/7/2010; 675/QĐ-BNN-TCTS-29/3/2012		152.731	10.177		
5	Vườn Quốc gia Côn Đảo giai đoạn 2 (Khu hành chính và hạ tầng kỹ thuật Phân khu hành chính-dịch vụ)	Vườn QG Côn đảo			56.061	12.723		
6	Nhà công vụ cho lực lượng vũ trang Ban chỉ huy quân sự huyện Côn Đảo	BCHQS Tỉnh	1067/QĐ.UBND-28/5/2014	64 căn hộ	92.443	23.000		
7	Doanh trại tiểu đoàn công binh 792 Côn Đảo	BCHQS Tỉnh	3014/QĐ-UBND-31/10/2016		40.904	13.715		QT xong
B	DA CHUYÊN TIẾP							
1	Nâng cấp mở rộng cảng Bến Đằm	BQLDA chuyên ngành GT	3146/QĐ-UBND-30/10/2017	3.000DWT	135.248	10.000		
2	Vườn Quốc gia Côn Đảo giai đoạn 3	Vườn QG Côn đảo	3003/QĐ-UBND-31/10/2016		56.426	43.000		Thu hồi tạm ứng ngân sách năm 2019 là 24,0 tỷ đồng

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt DA	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	KH 2020		Ghi chú
						TS	Tr đó BTGPMB, rà phá bom mìn, chi phí tư vấn	
3	Bảo quản, tu bổ phục hồi di tích Trại Sở cù-Chuồng bò thuộc khu di tích lịch sử nhà tù Côn Đảo	Sở VH và TT	1747/QĐ-UBND-4/8/2015		7.494	1.500		
4	Nhà tiếp đón người có công tại huyện Côn Đảo	Sở LĐ-TBXH	3002/QĐ-UBND-31/10/2016	16 phòng/ 30giường	29.788	1.500		
5	Cảng tàu khách Côn đảo	BQL Cảng Bến đầm	2097/QĐ.UBND-14/6/07; 2253/QĐ.UBND-03/7/09	50md	158.406	10.000		
6	Trường mầm non Côn Đảo	UBND H.Côn đảo	3148/QĐ-UBND-30/10/2017	10 nhóm lớp	52.255	13.000		
7	Đường trục phía Bắc trung tâm Côn Đảo	BQLDA chuyên ngành GT	3147/QĐ-UBND-30/10/2017	5,8 km	547.264	120.000		
8	Nạo vét hồ Quang Trung I huyện Côn Đảo	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	2317/QĐ-UBND-21/8/2018	17,45 ha	122.970	25.000		
9	Hồ chứa nước Suối Ốt	UBND H.Côn đảo	3059/QĐ-UBND-30/10/2018		31.923	17.000		
C	<u>DA KHÔI CÔNG XÂY DỰNG MỚI</u>							
	DA bố trí vốn BTGPMB năm 2019, đã có mặt bằng, bố trí vốn khôi công xây dựng năm 2020							
1	HTKT khu tái định cư Trung tâm Côn Đảo	UBND H.Côn đảo	3104/QĐ-UBND-31/10/2018	102 lô đất	34.891	20.000		Tổng DT 22.418m2, trong đó có 16.994m2 đất công không phải BTGPMB
2	Hồ chứa nước Lò Voi	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	3001/QĐ-UBND-25/10/2018	60.000m3	38.969	20.000	3.000	Tổng DT 4,9ha, trong đó 2,7ha DT mặt hồ hiện hữu, còn 2,2ha phải BTGPMB, đang trình thẩm định giá BT

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt DA	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	KH 2020		Ghi chú
						TS	Tr đó BTGPMB, rà phá bom mìn, chi phí tư vấn	
	DA đã có mặt bằng, bố trí vốn khởi công xây dựng mới							
1	Xây dựng nhà máy nước Côn Đào công suất 3.000m3/ngày đêm	UBND H.Côn đảo	1366/QĐ-UBND-31/5/2019	3.000 m3/ngày đêm	94.884	35.000	1.000	
2	Nhà máy xử lý rác thải Côn Đảo (Xây dựng đường vào và hàng rào)	UBND H.Côn đảo		Đường vào dài 16m và hàng rào 550m	9.108	7.000		
3	Nâng cấp hệ thống cấp nước Cỏ Ông, Bến Đầm	UBND H.Côn đảo	814/QĐ-UBND-8/4/2019	500m3/ngày đêm	71.156	25.000		
4	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu trung tâm Côn Đảo (giai đoạn 1)	UBND H.Côn đảo	1422/QĐ-UBND-7/6/2019	1.000m3/ngày đêm	167.735	30.000	6.000	
5	Kiên cố hoá các tuyến mương thu gom nước của khu dân cư số 03, huyện Côn Đảo	UBND huyện Côn Đảo	2968/QĐ-UBND-31/10/2019	3.495 m	47.973	15.000	10.000	
6	Nạo vét mở rộng hồ An Hải	UBND huyện Côn Đảo		21,23 ha; 614,62 ngàn m3	197.954	15.000	4.000	
7	Nâng cấp đường Huỳnh Thúc Kháng Côn Đảo	UBND huyện Côn Đảo	2913/QĐ-UBND-30/10/2019	2,7km	142.234	15.000	1.000	
D	DA THỰC HIỆN BTGPMB							
	DA mở mới							
1	Trường Tiểu học Côn Đảo	UBND H.Côn đảo	947/QĐ-UBND-17/4/2019	17 phòng học	54.771	4.000	4.000	
E	DA CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ							
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu Trung tâm Côn Đảo (Xây dựng một số tuyến đường mới tại khu dân cư số 3)	UBND H.Côn đảo	2912/QĐ-UBND-30/10/2019	4 tuyến đường; 3.252 m	540.548	200		
2	Kho dự trữ lương thực tại Côn Đảo	UBND H.Côn đảo				50		

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt DA	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư	KH 2020		Ghi chú
						TS	Tr đó BTGPMB, rà phá bom mìn, chi phí tư vấn	
3	Trùng tu tôn tạo các di tích: Khu điều tra xét hỏi, sở cũi chuồng bò, Trại 6 khu B và chuồng cộp Mỹ khu H thuộc khu di tích lịch sử Côn đảo	Sở VH và TT			8.140	100		
4	Xây dựng nghĩa trang nhân dân Côn Đảo	BQLDA Chuyên ngành DD và CN				50		
5	Nhà làm việc BQL Di tích Côn Đảo	BQLDA Chuyên ngành DD và CN			10.000	50		
6	Bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử Côn Đảo giai đoạn 2016-2020	Sở VH và TT			27.464	100		
7	Bến cập tàu tại Hòn Bảy cạnh, Hòn Cau, Hòn Tre lớn	Vườn QG Côn đảo		3 cầu tàu dài 35m	65.048	1.000		
8	Hồ chứa nước Đất Dốc	Vườn QG Côn đảo		170,78 ngàn m3	89.029	800		
9	Các bể chứa nước tại Côn Đảo thuộc Vườn quốc gia Côn Đảo	Vườn QG Côn đảo				100		
10	Nhà công vụ cán bộ chiến sỹ công an huyện Côn Đảo	Công an Tỉnh				50		
11	Trạm ứng dụng và chuyển giao công nghệ Côn Đảo	Sở Khoa học và Công nghệ				100		
12	Hồ chứa nước Núi Một	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT				100		
13	Hồ chứa nước ngọt Bưng Bèo- Cỏ Ống (Các hồ chứa nước ngọt Côn Đảo)	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT				100		